BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN THỊ TOAN (Tổng Chủ biên)
TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG (Chủ biên)
NGUYỄN HÀ AN – NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH
PHẠM THỊ KIM DUNG – NGUYỄN THỊ THỌ

GIÁO DỤC CÔNG DÂN

7

SÁCH GIÁO VIÊN

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

QUY ƯỚC VIẾT TẮT DÙNG TRONG SÁCH

GV	giáo viên
GDCD	Giáo dục công dân
HS	học sinh
SGK	sách giáo khoa
SGV	sách giáo viên
THCS	trung học cơ sở

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

LỜI NÓI ĐẦU

Kính thưa quý thầy, cô giáo!

Sách giáo viên Giáo dục công dân 7 là tài liệu dùng cho các thầy, cô dạy môn Giáo dục công dân 7, biên soạn theo Chương trình Giáo dục phổ thông được Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2018.

Sách được biên soạn theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực của học sinh thông qua việc gắn kết kiến thức với thực tiễn và cách tổ chức hoạt động cho học sinh trong quá trình dạy học. Sách gồm hai phần:

Phần một. Những vấn đề chung

Hướng dẫn và định hướng giáo viên về: mục tiêu, nội dung chương trình môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở và yêu cầu đối với môn Giáo dục công dân 7; tài liệu và phương tiện dạy học; phương pháp dạy học; phương pháp kiểm tra, đánh giá môn Giáo dục công dân 7.

Phần hai. Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Hướng dẫn giáo viên xác định mục tiêu bài học; chuẩn bị thiết bị dạy học và học liệu cho bài học; hướng dẫn các hoạt động dạy học chủ yếu trong các bài cụ thể. Trên cơ sở những hướng dẫn này, các thầy, cô có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo để tổ chức các hoạt động dạy học phù hợp với điều kiện thực tiễn của nhà trường và đối tượng học sinh.

Hi vọng cuốn sách là tài liệu hướng dẫn dạy học hữu ích, giúp quý thầy, cô giáo đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân 7 một cách hiệu quả. Mặc dù các tác giả đã rất cố gắng nhưng cuốn sách khó tránh khỏi những hạn chế nhất định. Kính mong quý thầy, cô góp ý để sách được cập nhật và không ngừng hoàn thiện, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu dạy học môn Giáo dục công dân của giáo viên và học sinh.

Trân trọng cảm ơn quý thầy, cô!

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

Trang

LỜI NÓI ĐẦU 3

PHẦN MỘT. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG 5

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7 5

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7 11

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7 17

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN 23

PHẦN HAI. HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ 27

- Bài 1. Tự hào về truyền thống quê hương 27
- Bài 2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ 34
- Bài 3. Học tập tự giác, tích cực 38
- Bài 4. Giữ chữ tín 44
- Bài 5. Bảo tồn di sản văn hoá 48
- Bài 6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng 56
- Bài 7. Phòng, chống bạo lực học đường 62
- Bài 8. Quản lí tiền 70
- Bài 9. Phòng, chống tệ nạn xã hội 77
- Bài 10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình 83

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

PHẦN MỘT NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

I. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN CẤP TRUNG HỌC CƠ SỞ VÀ YÊU CẦU ĐỐI VỚI MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

1. Mục tiêu dạy học môn Giáo dục công dân cấp Trung học cơ sở

Môn GDCD cấp THCS giúp HS:

– Về kiến thức:

+ Có hiểu biết về những chuẩn mực đạo đức, pháp luật cơ bản và giá trị, ý nghĩa các chuẩn mực đó; tự hào về truyền thống gia đình, quê hương, dân tộc; tôn trọng, khoan dung, quan tâm, giúp đỡ người khác; tự giác, tích cực học tập và lao động; có thái độ đúng đắn, rõ ràng trước các hiện tượng, sự kiện trong đời sống; có trách nhiệm với bản thân, gia đình, nhà trường, xã hội, công việc và môi trường sống.

+ Có tri thức phổ thông, cơ bản về đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế, pháp luật; đánh giá được thái độ, hành vi của bản thân và người khác; tự điều chỉnh và nhắc nhở, giúp đỡ bạn bè và người thân điều chỉnh thái độ, hành vi theo chuẩn mực đạo đức, pháp luật; thực hiện được các công việc để đạt mục tiêu, kế hoạch hoàn thiện, phát triển bản thân; biết cách thiết lập, duy trì mối quan hệ hoà hợp với những người xung quanh; giải quyết được các vấn đề đơn giản trong đời sống của cá nhân, cộng đồng phù hợp với giá trị văn hoá, chuẩn mực đạo đức, quy tắc của cộng đồng, quy định của pháp luật và lứa tuổi.

– Về phẩm chất: Góp phần hình thành ở HS các phẩm chất chủ yếu như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

– Về năng lực: Cùng với việc hình thành những năng lực chung, môn GDCD hình thành và phát triển ở HS những năng lực đặc thù như năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.

2. Nội dung chương trình môn Giáo dục công dân

Chương trình môn GDCD được xây dựng theo 4 mạch kiến thức: 1/ Giáo dục đạo đức; 2/ Giáo dục kĩ năng sống; 3/ Giáo dục kinh tế; 4/ Giáo dục pháp luật.

Nội dung các mạch kiến thức này được phân phối với 35% thời gian dành cho giáo dục đạo đức, 20% dành cho giáo dục kĩ năng sống, 10% dành cho giáo dục kinh tế, 25% dành cho giáo dục pháp luật và 10% dành cho kiểm tra, đánh giá.

Nội dung khái quát môn GDCD cấp THCS

Nội dung		Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC (35%)	Yêu nước	1. Tự hào về truyền thống gia đình, dòng họ	1. Tự hào về truyền thống quê hương	1. Tự hào về truyền thống dân tộc Việt Nam	1. Sống có lí tưởng
	Nhân ái	2. Yêu thương con người	2. Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	2. Tôn trọng sự đa dạng của các dân tộc	2. Khoan dung
	Chăm chỉ	3. Siêng năng, kiên trì	3. Học tập tự giác, tích cực	3. Lao động cần cù, sáng tạo	3. Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng
	Trung thực	4. Tôn trọng sự thật	4. Giữ chữ tín	4. Bảo vệ lẽ phải	4. Khách quan và công bằng
	Trách nhiệm	5. Tự lập	5. Bảo tồn di sản văn hoá	5. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên	5. Bảo vệ hoà bình
GIÁO DỤC KĨ NĂNG SỐNG (20%)	Kĩ năng nhận thức, quản lí bản thân	6. Tự nhận thức bản thân	6. Ứng phó với tâm lí căng thẳng	6. Xác định mục tiêu cá nhân	6. Quản lí thời gian hiệu quả
	Kĩ năng tự vệ	7. Ứng phó với tình huống nguy hiểm	7. Phòng, chống bạo lực học đường	7. Phòng, chống bạo lực gia đình	7. Thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống
GIÁO DỤC KINH TẾ (10%)	Hoạt động tiêu dùng	8. Tiết kiệm	8. Quản lí tiền	8. Lập kế hoạch chi tiêu	8. Tiêu dùng thông minh
GIÁO DỤC PHÁP LUẬT (25%)	Quyền và nghĩa vụ của công dân	9. Công dân nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam	9. Phòng, chống tệ nạn xã hội	9. Phòng ngừa tai nạn vũ khí, cháy, nổ và các chất độc hại	9. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí
		10. Quyền trẻ em	10. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	10. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân	10. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế

3. Yêu cầu đối với môn Giáo dục công dân 7

a) Yêu cầu chung

Việc dạy học môn GDCD 7 góp phần thực hiện mục tiêu chung của bộ môn ở cấp THCS, đảm bảo những yêu cầu sau:

– Cần kế thừa và phát triển kết quả dạy học môn GDCD 6. Các chuẩn mực giáo dục đạo đức, kĩ năng sống, kinh tế và pháp luật ở lớp 7 góp phần giáo dục nhân cách HS, giúp các em biết ứng xử để giải quyết các mối quan hệ thường ngày phù hợp với yêu cầu của xã hội và sự phát triển của bản thân. Những nội dung giáo dục cần đảm bảo thiết thực, phù hợp với thực tiễn Việt Nam, gần gũi với cuộc sống.

– Dạy học môn GDCD 7 cần hình thành ở HS cảm xúc, niềm tin đạo đức vì đó là động cơ bên trong giúp các em tự hoàn thiện, tự điều chỉnh để vươn tới các giá trị chân, thiện, mĩ trong cuộc sống. Đây là yêu cầu đặc thù của môn GDCD so với các môn học khác, cũng là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, việc dạy học môn GDCD 7 yêu cầu không chỉ truyền thụ tri thức mà còn hình thành tình cảm, niềm tin đạo đức, pháp luật và nhất là hình thành hành vi, thói quen đạo đức, pháp luật ở mỗi HS.

– Việc tổ chức các hoạt động dạy học cần đa dạng, tránh lối truyền thụ kiến thức một chiều, thiên về lí thuyết, xa rời thực tiễn; cần khai thác những chất liệu cuộc sống và vốn kinh nghiệm của bản thân HS, giúp các em thấu hiểu tri thức, hình thành thái độ, bổn phận, niềm tin đúng đắn; thực hành các chuẩn mực và mẫu hành vi tích cực mà bài học đặt ra.

b) Yêu cầu cần đạt đối với các chủ đề trong chương trình Giáo dục công dân 7

STT	Tên chủ đề	Yêu cầu cần đạt	Phẩm chất	Năng lực	
				Năng lực chung	Năng lực đặc thù
1	Tự hào về truyền thống quê hương	– Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương. – Thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương. – Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.	Yêu nước	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
2	Quan tâm, cảm thông và chia sẻ	– Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác. – Hiểu vì sao mọi người phải	Nhân ái	Tự chủ và tự học, giao tiếp	Điều chỉnh hành vi, phát triển

		quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau. – Thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người. – Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.		và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
3	Học tập tự giác, tích cực	– Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực. – Hiểu vì sao phải học tập tự giác, tích cực. – Thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực. – Biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.	Chăm chỉ	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
4	Giữ chữ tín	– Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín. – Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín. – Luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm. – Phê phán những người không biết giữ chữ tín.	Trung thực	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
5	Bảo tồn di sản văn hoá	– Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam. – Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội. – Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ	Trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

		của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá. – Nhận biết được trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá. – Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. – Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.			
6	Ứng phó với tâm lí căng thẳng	– Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. – Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng. – Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng. – Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng. – Thực hành được một số cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.	Trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
7	Phòng, chống bạo lực học đường	– Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường. – Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường. – Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường. – Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức. – Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.	Nhân ái, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

8	Quản lí tiền	– Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả. – Nhận biết được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả. – Bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.	Chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội.
9	Phòng, chống tệ nạn xã hội	– Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến. – Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội. – Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. – Thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội. – Tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức. – Phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.	Trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội
10	Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình	– Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình; quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình. – Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và của người khác. – Thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh chị em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.	Nhân ái, trung thực, trách nhiệm	Tự chủ và tự học, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo	Điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tìm hiểu và tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội

II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG TIỆN DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

1. Sách giáo khoa Giáo dục công dân 7

a) Quan điểm biên soạn

Việc biên soạn SGK môn GDCD 7 đảm bảo phù hợp với chuẩn đầu ra, yêu cầu cần đạt và khung nội dung chương trình môn học ở lớp 7. Các nội dung biên soạn hướng đến hình thành, phát triển phẩm chất chủ yếu, năng lực chung và năng lực đặc thù theo các mức độ phù hợp với môn học ở cấp THCS đã được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông tổng thể.

Việc biên soạn sách đảm bảo những nguyên tắc cơ bản:

– Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật Việt Nam; phù hợp với quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam.

– Cụ thể hoá mục tiêu, nội dung, phương pháp giáo dục và đánh giá kết quả giáo dục của Chương trình Giáo dục phổ thông; đảm bảo tính liên thông giữa các cấp học, lớp học, môn học và hoạt động giáo dục. Nội dung biên soạn đảm bảo tích hợp nội môn (giữa giáo dục đạo đức – giáo dục kĩ năng sống – giáo dục kinh tế – giáo dục pháp luật) và tích hợp liên môn (Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, Lịch sử và Địa lí, Ngữ văn); đảm bảo tính đa dạng văn hoá vùng miền, thể hiện qua những câu chuyện, tình huống, hình ảnh, nhân vật trong SGK.

– Đảm bảo tính thực tiễn: Gắn với điều kiện cụ thể của Việt Nam và phù hợp với xu thế giáo dục tiên tiến trên thế giới, đảm bảo tốt nhất lợi ích của người học. Nội dung biên soạn gắn với thực tiễn cuộc sống của HS. Các chất liệu biên soạn (hình ảnh, câu chuyện, tình huống, nhiệm vụ học tập,...) đều xuất phát từ chính cuộc sống của các em trong gia đình, nhà trường và xã hội.

– Đảm bảo tính khoa học: Sách được thiết kế dựa trên lí thuyết phát triển tâm lí HS THCS, quy trình dạy học trải nghiệm. Từ kinh nghiệm rời rạc – Quan sát, phân tích – Khái niệm hoá (quy luật mới) – Thử nghiệm, vận dụng tích cực; lí thuyết hệ thống sinh thái của Urie Bronfenbrenner, sử dụng kiến thức khoa học chuẩn xác, chọn lọc, phù hợp với sự phát triển lứa tuổi, hiện đại (có tính mở, cập nhật và tận dụng nguồn tài liệu số hoá), tính bền vững (hướng đến khuyến khích khả năng tự học và năng lực học tập suốt đời), tính hấp dẫn (đa dạng thông tin, hình ảnh chọn lọc, tiêu biểu và hình thức trình bày đẹp).

– Đảm bảo tính vừa sức: Trên cơ sở tâm lí lứa tuổi HS, những người làm sách đã chú trọng yếu tố vừa sức trong cả kênh hình và kênh chữ, việc thiết kế các hoạt động dạy học luôn tính đến điều kiện thực tế của GV, HS có thể thực hiện được.

b) Cấu trúc sách giáo khoa

** Cấu trúc chung của SGK*

Sách được cấu trúc theo Thông tư số 33/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo, gồm các phần: 1/Hướng dẫn sử dụng sách; 2/Lời nói đầu; 3/Mục lục; 4/Chủ đề/bài học;

5/Giải thích thuật ngữ. SGK GDCD 7 thể hiện đầy đủ nội dung của Chương trình Giáo dục phổ thông, gồm 10 chủ đề:

Chủ đề 1: Tự hào về truyền thống quê hương

Chủ đề 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ

Chủ đề 3: Học tập tự giác, tích cực

Chủ đề 4: Giữ chữ tín

Chủ đề 5: Bảo tồn di sản văn hoá

Chủ đề 6: Ứng phó với tâm lí căng thẳng

Chủ đề 7: Phòng, chống bạo lực học đường

Chủ đề 8: Quản lí tiền

Chủ đề 9: Phòng, chống tệ nạn xã hội

Chủ đề 10: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Các mạch nội dung trong sách được sắp xếp khoa học, hợp lí theo cấu trúc đồng tâm về các mối quan hệ đồng thời bảo đảm định hướng phát triển phẩm chất, năng lực người học.

** Cấu trúc mỗi bài*

Cấu trúc mỗi bài trong SGK được thiết kế thống nhất các hoạt động theo trình tự sau:

– *Mở đầu:* Giới thiệu khái quát về vị trí, ý nghĩa của bài học; tạo tâm thế, khơi gợi suy nghĩ, hứng thú của HS để vào bài mới.

– *Khám phá:* Tìm hiểu, kết nối kinh nghiệm cá nhân với tình huống bài học qua quan sát tranh, nghe câu chuyện, đọc thông tin, xử lí tình huống,... qua đó giúp HS khám phá được nội dung kiến thức bài học.

– *Luyện tập:* Tạo cơ hội cho HS thực hành, sử dụng kiến thức, kĩ năng mới trong một số nhiệm vụ học tập, tình huống giả định để hiểu rõ hơn kiến thức bài học và rèn luyện các kĩ năng cần thiết.

– *Vận dụng:* Tạo cơ hội cho HS tự giác vận dụng các kiến thức, kĩ năng đã học của bài học vào giải quyết các vấn đề trong cuộc sống của bản thân, gia đình và xã hội.

Sau hoạt động Khám phá có mục chốt những kiến thức cơ bản để HS ghi nhớ các chuẩn mực hành vi.

Cấu trúc bài học luôn theo tiến trình nhận thức của HS, giúp các em nhận biết – thấu hiểu – tin tưởng – làm theo.

Các hoạt động luôn được bắt đầu bằng những câu chuyện, tình huống, hình ảnh,… và câu hỏi gợi ý hướng dẫn HS tự phân tích, đánh giá và rút ra bài học cho bản thân.

c) Hình thức trình bày

Dựa trên đặc điểm tâm – sinh lí của HS THCS với cách tư duy nhận thức thiên về cụ thể, trực quan, năng lực ngôn ngữ với vốn từ còn hạn chế, SGK môn GDCD 7 đã kết hợp một cách khoa học giữa kênh hình và kênh chữ trong quá trình thể hiện. Kênh hình được thể hiện với những hình ảnh chọn lọc phù hợp, những tình huống tiêu biểu

mang nét đặc trưng đại diện vùng, miền. Kênh chữ được diễn đạt ngắn gọn, dễ hiểu và gần gũi với HS.

Mỗi bài học được mở đầu bằng mục tiêu dạy học và hoạt động mở đầu giới thiệu khái quát về vị trí, ý nghĩa của bài học, tạo điểm nhấn để dẫn dắt HS vào bài học. Các mục Mở đầu, Khám phá, Luyện tập, Vận dụng đều được thể hiện bằng những biểu tượng nhất quán để HS dễ nhận biết.

Hình thức thể hiện nội dung đa dạng, với nhiều màu sắc, hình ảnh, biểu tượng cho các hoạt động, tạo hứng thú học tập cho HS.

d) Những điểm mới, hấp dẫn của sách giáo khoa Giáo dục công dân 7

Với bốn mạch kiến thức: giáo dục đạo đức, giáo dục kĩ năng sống, giáo dục kinh tế, giáo dục pháp luật cùng số lượng chuẩn hành vi tăng thêm song nội dung sách GDCD 7 vẫn thể hiện tập trung trong 10 chủ đề. Nội dung bài học gọn nhẹ, mang tính khám phá, gợi mở. Sách được xây dựng hướng tới hình thành khả năng tự học, kĩ năng công dân cho HS thông qua các nhiệm vụ học tập đa dạng và phong phú (đặt câu hỏi; phân tích truyện, tranh, tình huống, trường hợp; bày tỏ ý kiến; xử lí tình huống; đóng vai; sưu tầm tài liệu;...).

Sách được trình bày đẹp, màu sắc, tranh ảnh, câu chuyện, tình huống,... hấp dẫn, thu hút người học, là công cụ đắc lực giúp các em học tập thuận lợi, hiệu quả.

Các hoạt động trong sách mang tính mở giúp GV có thể phối hợp nhiều phương pháp, kĩ thuật và hình thức tổ chức dạy học khác nhau, thiết kế nhiều hoạt động dạy học theo định hướng phát triển năng lực khuyến khích học HS khám phá, khai thác thông tin, xử lí tình huống, học qua các trường hợp điển hình,... tự do sáng tạo, linh hoạt trong quá trình dạy học sao cho phù hợp với điều kiện của trường, lớp, vùng miền,...

Sách là phương tiện hỗ trợ, kết nối sự tham gia của gia đình và cộng đồng vào quá trình giáo dục HS ở nhà và ở cộng đồng. Các nội dung trình bày đủ, rõ ràng, dễ hiểu để cha mẹ có thể hướng dẫn con nhất quán với quá trình tổ chức dạy học của GV trên lớp.

2. Sách giáo viên

SGV GDCD 7 là tài liệu hướng dẫn GV về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, phương tiện, tư liệu dạy học chung và từng bài trong chương trình.

Cấu trúc SGV GDCD 7 gồm hai phần:

Phần một: Những vấn đề chung

Gồm những nội dung chính sau:

– Mục tiêu môn học;

– Nội dung chương trình môn học;

– Tài liệu, phương tiện dạy học;

– Phương pháp, hình thức dạy học;

– Kiểm tra, đánh giá.

Phần hai: Hướng dẫn dạy học các bài cụ thể

Trong phần này, từng bài được trình bày theo cấu trúc:

– Tên bài, thời lượng;

– Mục tiêu bài học;

– Thiết bị dạy học và học liệu;

– Tiến trình dạy học.

Lưu ý: Những hoạt động, phương pháp, phương tiện dạy học trong từng bài chỉ có tính chất gợi ý. GV cần cụ thể hoá, linh hoạt, sáng tạo trong việc lựa chọn và vận dụng cho phù hợp với trình độ của HS và điều kiện của GV, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của địa phương.

3. Thiết bị, phương tiện dạy học

Trong bối cảnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục được Đảng và Nhà nước định hướng và chỉ đạo xuyên suốt tại Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 – 11 – 2013 của Ban Chấp hành Trung ương 8 khoá XI, Nghị quyết số 44/NQ-CP ngày 9 – 6 – 2014 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW, Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25 – 01 – 2017 phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí và hỗ trợ các hoạt động dạy – học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025", Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát triển các công cụ và học liệu điện tử giúp khai thác tối ưu giá trị của các bộ SGK nói chung và SGK GDCD 7 nói riêng. Cụ thể từ năm 2019, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam giới thiệu nền tảng Tập huấn. Nền tảng này cho phép người dùng truy cập phiên bản số hoá của SGK mới và các học liệu điện tử bám sát chương trình SGK, qua đó giúp phong phú tài liệu dạy và học, đồng thời khuyến khích người dùng ứng dụng các công cụ công nghệ thông tin trong quá trình tiếp cận chương trình mới. Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam cam kết thực hiện việc hỗ trợ GV, cán bộ quản lí giáo dục, HS và phụ huynh HS trong việc sử dụng nguồn tài nguyên sách và học liệu điện tử sử dụng nền tảng Tập huấn.

– Tập huấn là nền tảng tập huấn GV trực tuyến của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, được truy cập tại tên miền: *taphuan.nxbgd.vn*. Tập huấn cung cấp tài liệu tập huấn GV với đa dạng nội dung và định dạng, nhằm hỗ trợ GV toàn quốc trong việc tiếp cận tài liệu tập huấn, hỗ trợ hướng dẫn giảng dạy chương trình SGK mới vào bất kì thời điểm nào trong năm học.

Đối với tài khoản GV: Tính năng Tập huấn cung cấp các khoá tập huấn đối với các

môn học của các bộ SGK. Các khoá tập huấn đăng tải những tài liệu tập huấn do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam biên soạn dưới nhiều định dạng: powerpoint, pdf/word, video,... và được phân loại theo các nhóm nội dung: Tài liệu tập huấn, Bài giảng tập huấn, Tiết học minh hoạ, Video tập huấn trực tuyến, Video hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học,... hỗ trợ thầy, cô giáo truy cập bất kì thời điểm nào trong năm học. Mỗi khoá tập huấn đăng tải Bài kiểm tra – đánh giá tương ứng, sau khi kết thúc khoá tập huấn, GV thực hiện Bài kiểm tra và hệ thống sẽ thực hiện việc chấm điểm tự động.

Đối với tài khoản cấp quản lí giáo dục (sở giáo dục và đào tạo, nhà trường): Tính năng Tài liệu bổ sung cho phép các cơ quan quản lí giáo dục đăng tải các tài liệu tập huấn bổ trợ của địa phương, qua đó các cấp dưới trực thuộc sẽ tiếp cận được nguồn tài nguyên này. Tính năng Thống kê cung cấp số liệu thống kê về thông tin định danh và kết quả tập huấn của GV trực thuộc, trong đó các số liệu được hệ thống thể hiện trực quan qua bảng biểu, biểu đồ và có thể trích xuất định dạng excel phục vụ công tác báo cáo của cấp quản lí giáo dục.

Ngoài trang Tập huấn, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã đăng tải các tài liệu tập huấn, các bộ SGK với đa dạng định dạng và nội dung như: Video tiết học minh hoạ, Tài liệu tập huấn (pdf, powerpoint, word), Hướng dẫn sử dụng thiết bị dạy học, Bài kiểm tra – đánh giá, Video lớp học trực tuyến, SGK đầy đủ các môn học,... Các tài liệu được phân tách theo từng môn học, đảm bảo dễ tiếp cận và sử dụng tại bất kì thời điểm nào trong năm học.

– Đối với kho học liệu điện tử được đính kèm trên trang sách điện tử, GV có thể tải về hoặc sử dụng trực tiếp nguồn học liệu dồi dào và bổ ích này đối với việc: biên soạn giáo án, chuẩn bị bài giảng điện tử; sử dụng làm tư liệu giảng dạy trực tiếp trên lớp cho tiết học sinh động, thú vị và hiệu quả; chia sẻ hoặc tải về thiết bị cá nhân. Qua đó, nguồn tài nguyên sẽ hỗ trợ trong việc mang đến hình ảnh sinh động, trực quan, thu hút sự chú ý của HS, nâng cao chất lượng bài giảng.

– Đối với kho bài tập tương tác từ SGK, sách bài tập, Tập huấn cũng cung cấp bài tập Tự kiểm tra – đánh giá. Với nguồn bài tập phong phú này, GV có thể triển khai nhiều hoạt động giảng dạy: mở trực tiếp bài tập trên nền tảng, hướng dẫn HS làm bài, tương tác, từ đó tổ chức các hoạt động nhóm, tạo không khí học tập trong lớp; giao bài

tập về nhà để HS tự thực hành, ôn tập hoặc sử dụng để kiểm tra bài cũ trước khi bắt đầu tiết học; tham khảo các dạng bài tập để đưa vào bài kiểm tra, đánh giá trên lớp.

– Đối với hệ thống bài giảng điện tử dạng slide powerpoint song hành là kịch bản dạy học, GV có thể tải trực tiếp về thiết bị cá nhân để trình chiếu giảng dạy trên lớp hoặc tham khảo, tự chỉnh sửa, sáng tạo bổ sung thêm đảm bảo phù hợp với phương pháp giảng dạy của cá nhân. Bài giảng điện tử đã được Tập huấn xây dựng hình ảnh và nội dung bám sát SGV và SGK.

– Ngoài ra, GV cũng được khuyến nghị sử dụng linh hoạt các công cụ hỗ trợ trên nền tảng Tập huấn kết hợp cùng máy trình chiếu, trong đó bao gồm các công cụ như: Luyện tập trực quan các bài tập đi kèm chấm điểm tự động; Đọc sách điện tử; Xem trực tiếp các học liệu bổ trợ được đính kèm trên trang sách điện tử,...

Như vậy, GV có thể truy cập SGK mọi lúc mọi nơi với đa dạng các thiết bị: điện thoại, máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy tính bảng; sử dụng trình chiếu trực tiếp trên lớp học; chủ động sử dụng nghiên cứu tại nhà, hỗ trợ cho quá trình biên soạn kế hoạch dạy học.

Ngoài ra, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 38/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Trung học cơ sở. Căn cứ theo thông tư trên, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam đã triển khai làm các thiết bị và học liệu cho môn Giáo dục công dân lớp 7 như sau:

– Bộ tranh về truyền thống gia đình, dòng họ. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số biểu hiện truyền thống gia đình dòng họ.

– Tranh về truyền thống quê hương. Mục đích sử dụng: Giúp HS nhận biết được một số truyền thống quê hương.

– Bộ tranh về tình yêu thương con người. Mục đích sử dụng: Giúp HS nhận biết được một số việc làm thể hiện lòng yêu thương con người.

– Tranh về việc học tập tự giác tích cực của HS. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được hành vi học tập tự giác tích cực.

– Tranh về cách ứng phó với tình huống căng thẳng. Mục đích sử dụng: Giúp HS biết cách ứng phó với tình huống căng thẳng.

– Tranh về phòng, chống bạo lực học đường. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được cách phòng, chống bạo lực học đường.

– Tranh thể hiện hoạt động quản lí tiền của HS. Mục đích sử dụng: Giúp HS nhận biết được ý nghĩa và những nguyên tắc quản lí tiền.

– Tranh về tệ nạn xã hội. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được cách phòng, chống tệ nạn ma tuý.

– Video/clip về bảo tồn di sản văn hoá. Mục đích sử dụng: HS nhận biết được một số di sản văn hoá ở Việt Nam và những việc cần làm và không nên làm đối với việc bảo tồn di sản văn hoá.

– Bộ dụng cụ thực hành tiết kiệm. Mục đích sử dụng: HS có ý thức về quản lí tài chính cá nhân và biết thực hiện một số bước đơn giản để thực hành tiết kiệm.

Lưu ý:

1/ Dạy học GDCD theo tinh thần đổi mới phương pháp khuyến khích tăng cường sử dụng các thiết bị, phương tiện trong quá trình dạy học. Các phương tiện, thiết bị sử dụng trong dạy học GDCD có thể là: tranh ảnh, sơ đồ, mô hình, phiếu học tập, đồ dùng để đóng vai, máy chiếu, máy tính,... Các phương tiện, thiết bị này chính là điều kiện để đổi mới phương pháp dạy học, tăng tính hấp dẫn, hứng thú, loại trừ cách dạy lí thuyết khô khan, áp đặt. Các phương tiện, thiết bị có thể do nhà trường trang bị, do GV chuẩn bị và cũng có thể do HS sưu tầm, điều tra, thực hiện với sự hướng dẫn, giúp đỡ của GV.

2/ Việc sử dụng thiết bị, phương tiện trong giờ GDCD cần hợp lí, hiệu quả, đúng mức, đúng lúc và đúng chỗ, tuỳ thuộc vào nội dung, tính chất từng bài, tuỳ điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của từng lớp, từng trường, từng địa phương, tránh tình trạng sử dụng một cách hình thức.

III. PHƯƠNG PHÁP, HÌNH THỨC DẠY HỌC MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN LỚP 7

1. Định hướng phương pháp dạy học phát triển năng lực

Để dạy học GDCD theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực, GV cần:

– Chú trọng tổ chức, hướng dẫn cho HS được khám phá, phân tích, khai thác các thông tin, xử lí các tình huống thực tiễn, các trường hợp điển hình. Tăng cường sử dụng

các tình huống, sự việc, vấn đề, hiện tượng của thực tế cuộc sống xung quanh, gần gũi với đời sống HS trong việc phân tích, đối chiếu, minh hoạ để các bài học vừa có sức hấp dẫn, vừa nhẹ nhàng, hiệu quả. Coi trọng tổ chức, hướng dẫn các hoạt động trải nghiệm để HS tự phát hiện và chiếm lĩnh kiến thức mới, phát triển kĩ năng và thái độ tích cực, trên cơ sở đó tự hình thành, phát triển phẩm chất và năng lực của người công dân tương lai.

– Kết hợp sử dụng các phương pháp dạy học truyền thống với các phương pháp dạy học hiện đại theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học. Tăng cường sử dụng các phương pháp đặc thù của môn học như: giải quyết vấn đề; phân tích trường hợp điển hình kết hợp nêu gương công dân tiêu biểu; xử lí tình huống có tính thời sự về đạo đức, pháp luật và kinh tế trong cuộc sống hằng ngày; đóng vai; dự án;...

– Kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học ở trong lớp và ở ngoài lớp, ngoài khuôn viên nhà trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

– Phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong giáo dục HS.

2. Một số phương pháp, hình thức dạy học

a) Một số phương pháp, kĩ thuật dạy học cụ thể

Có nhiều phương pháp, kĩ thuật dạy học khác nhau, tuy nhiên ở đây chỉ giới thiệu một số phương pháp, kĩ thuật dạy học có ưu thế trong việc phát huy tính tích cực của HS trong dạy học GDCD.

1/ Phương pháp thảo luận nhóm

– *Đặc điểm:* Thảo luận nhóm là phương pháp tổ chức cho HS trao đổi với nhau theo nhóm để giải quyết một vấn đề giáo dục. Đây là phương pháp được sử dụng rộng rãi nhằm giúp HS tham gia một cách chủ động vào quá trình học tập, HS có thể chia sẻ kinh nghiệm, ý kiến hay để giải quyết một vấn đề, một tình huống đạo đức, pháp luật nào đó.

– *Cách tiến hành:*

+ GV giới thiệu vấn đề cần thảo luận.

+ Nêu các câu hỏi có liên quan đến vấn đề thảo luận.

+ Chia HS thành các nhóm, giao nhiệm vụ để các nhóm tiến hành thảo luận và ghi kết quả thảo luận ra giấy khổ lớn hoặc phiếu học tập. Nếu không khí trầm lắng, có thể bắt đầu cuộc thảo luận bằng một câu chuyện hoặc một bức tranh gợi ý.

+ Nhóm trưởng hoặc thư kí ghi chép các ý kiến.

+ Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp.

– *Lưu ý:*

+ Chủ đề thảo luận phải sát với nội dung bài học và trình độ HS.

+ Cách chia nhóm nên linh hoạt, luôn thay đổi để tạo điều kiện cho mỗi HS được giao lưu với tất cả HS trong lớp, tránh chỉ giới hạn trong một nhóm cố định.

+ Kết quả thảo luận nhóm được trưng bày trên bảng hoặc xung quanh tường của lớp học.

+ Việc cử nhóm trưởng, thư kí cũng nên luân phiên để từng HS đều được rèn luyện các kĩ năng cần thiết.

+ Cần khích lệ mọi HS cùng tham gia đóng góp ý kiến, không nên chê bai ý kiến nào.

Ví dụ: HS thảo luận về những việc nên làm/không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương (Bài 1: Tự hào về truyền thống quê hương).

– GV chia lớp thành các nhóm để thảo luận: Một nửa lớp thảo luận về những việc nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương; nửa còn lại thảo luận về những việc không nên làm, trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận về những việc nên làm/không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Liên hệ bản thân: HS thảo luận cặp đôi để trả lời câu hỏi: Em đã làm những gì để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương mình?

– Một số HS chia sẻ trước lớp. HS khác lắng nghe, nhận xét.

– GV nhận xét, khen ngợi HS có việc làm tốt để thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương.

2/ Phương pháp sắm vai

– *Đặc điểm:* Sắm vai là phương pháp HS thực hành, làm thử một số cách ứng xử nào đó trong một tình huống đạo đức, pháp luật giả định.

Phương pháp sắm vai có tác dụng: Giúp HS thực hành những kĩ năng trong môi trường an toàn, được giám sát trước khi xảy ra các tình huống thực; Gây được hứng thú và chú ý đối với người học; Tạo điều kiện cho sự sáng tạo của HS; Khích lệ sự thay đổi thái độ, hành vi của người học theo hướng định trước; HS có thể thấy ngay tác dụng và hiệu quả của lời nói hoặc việc làm của các nhân vật sắm vai.

– *Cách tiến hành:*

+ GV giới thiệu tình huống.

+ Các nhóm thảo luận, xây dựng kịch bản và phân công sắm vai.

+ Các nhóm lên sắm vai.

+ HS nhận xét, đánh giá.

+ GV chốt lại.

– *Lưu ý:*

+ Tính mục đích của tình huống phải thật rõ ràng.

+ Tình huống phải dễ sắm vai, không nên quá phức tạp.

+ Mọi HS đều được tham gia vào quá trình thảo luận, xây dựng kịch bản, được sắm vai hoặc hỗ trợ cho việc sắm vai của các bạn trong nhóm. Nên khích lệ cả những HS nhút nhát cùng tham gia.

+ GV cần đến từng nhóm quan sát, lắng nghe; kịp thời phát hiện những khó khăn, lúng túng của HS để hỗ trợ, giúp đỡ, điều chỉnh kịp thời.

+ Nên kết hợp với phương pháp thảo luận nhóm để xây dựng kịch bản, đề xuất cách xử lí tình huống.

Ví dụ: Sắm vai xử lí tình huống trong Bài 7: Phòng, chống bạo lực học đường:

– GV nêu yêu cầu: Em hãy dự kiến các cách ứng xử phù hợp để phòng, chống bạo lực học đường khi xuất hiện các nguy cơ sau: a/ Nhận được tin nhắn hoặc thư đe doạ từ người khác; b/ Một người bạn đang có mâu thuẫn với em hẹn em ở lại trường nói chuyện riêng sau giờ học; c/ Một nhóm HS cùng trường yêu cầu em tới chỗ vắng với thái độ khó chịu, đe doạ.

– GV chia lớp thành các nhóm. Các nhóm thảo luận cách xử lí tình huống, xây dựng kịch bản, phân vai. Nhóm trưởng/thư kí ghi vào phiếu học tập.

– GV mời một vài nhóm lên sắm vai xử lí tình huống.

– HS quan sát, nhận xét, đề xuất cách xử lí khác.

– GV nhận xét, khen ngợi nhóm có cách xử lí tình huống và sắm vai tốt.

3/ Phương pháp giải quyết vấn đề

– *Đặc điểm:* Giải quyết vấn đề là cách thức hướng dẫn HS phát hiện ra vấn đề, xem xét, phân tích những hiện tượng đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống,... đang tồn tại và xác định cách giải quyết vấn đề đó.

– *Cách tiến hành:*

+ Nêu ra một tình huống, một trường hợp chứa đựng mâu thuẫn trong thực tế cuộc sống cần giải quyết.

+ GV đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề.

+ Giúp HS phân tích tình huống.

+ Giúp HS nêu ra được những cách giải quyết vấn đề.

+ Quyết định chọn giải pháp tối ưu để giải quyết vấn đề.

– *Lưu ý:*

+ Vấn đề được lựa chọn phải phù hợp với mục tiêu dạy học và gắn với thực tế.

+ Phải phát huy được suy nghĩ sáng tạo của HS.

+ Cách giải quyết vấn đề phải là giải pháp có lợi nhất.

+ Kết hợp với phương pháp dạy học khác: phương pháp thảo luận nhóm, đóng vai xử lí tình huống,...

Ví dụ: Trên đường đi học về, Q và H phát hiện mấy thanh niên lấy trộm cổ vật trong ngôi chùa cổ của làng. Q rủ H đi báo công an nhưng H từ chối và nói: "Việc đó nguy hiểm lắm, nếu họ biết mình tố cáo sẽ trả thù chúng mình đấy!" (Bài 5: Bảo tồn di sản văn hoá).

– GV đặt HS vào hoàn cảnh phải giải quyết vấn đề sau khi nêu tình huống trên: Nếu là Q, em sẽ làm gì?

– HS phân tích tình huống, phân tích nguyên nhân vì sao H từ chối không đi báo công

an; nêu ra một số hướng giải quyết vấn đề: 1/ Chạy thật nhanh đi báo công an hoặc người có trách nhiệm; 2/ Quan sát thật kĩ những thanh niên đó, sau đó báo lại cho những người có trách nhiệm; 3/ Thuyết phục H cùng đi với mình, nói rằng công an sẽ giữ an toàn cho những người tố cáo,...

– GV nhận xét, khen ngợi HS có cách giải quyết vấn đề đúng; có thể khéo léo nêu câu hỏi gợi ý để HS có cách giải quyết vấn đề chưa đúng tự nhận thấy mâu thuẫn trong cách xử lí của mình.

4/ Phương pháp tổ chức trò chơi

– *Đặc điểm:* Trò chơi là phương pháp có hiệu quả để thu hút sự tham gia của HS. Trong cuộc chơi, mọi HS đều bình đẳng. Vì vậy, tổ chức trò chơi không chỉ là biện pháp tăng hứng thú học tập mà còn nâng cao sự chú ý, thay đổi trạng thái tâm lí trong quá trình nhận thức mà còn là biện pháp rèn luyện kĩ năng ứng xử, giao tiếp, củng cố và phát triển khả năng tự tin của các em trong học tập, trong hoạt động xã hội.

Phương pháp trò chơi có tác dụng: Tăng cường khả năng chú ý của HS; Nâng cao hứng thú của người học, góp phần giảm căng thẳng trong học tập; Tăng cường khả năng giao tiếp giữa HS với HS, HS với GV.

– *Cách tiến hành:*

+ Lựa chọn những trò chơi có nội dung phù hợp với nội dung bài học, có thể dựa trên nội dung bài học để sáng tạo ra trò chơi mới.

+ Thông qua trò chơi, GV gợi ý cho HS thảo luận, khai thác yêu cầu bài học.

– *Lưu ý:*

+ Cần hiểu rõ mục đích của trò chơi như: chơi để khởi động giới thiệu bài, để thư giãn hay để củng cố tri thức, luyện tập hành vi,...

+ Cần biết và tôn trọng luật chơi.

+ Cần dễ tổ chức và thực hiện.

+ Sau khi chơi, cần rút ra điều đã học được thông qua trò chơi.

5/ Kĩ thuật kích thích tư duy

– *Đặc điểm:* Kích thích tư duy là một kĩ thuật dạy học dựa vào những hiểu biết sẵn có của HS, đặt ra một hệ thống câu hỏi gợi mở kích thích để HS liên tưởng giữa điều đã biết với thực tiễn, hình thành ở các em ý tưởng mới, đề xuất cách giải quyết những mâu thuẫn để HS hiểu các vấn đề đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống.

– *Cách tiến hành:*

+ Qua một số câu hỏi gợi mở, GV nêu vấn đề cần được tìm hiểu trước HS cả lớp hoặc trước nhóm để HS suy nghĩ.

+ Khích lệ HS phát biểu và đóng góp ý kiến càng nhiều càng tốt.

+ Liệt kê tất cả các ý kiến phát biểu trên bảng hoặc giấy khổ lớn, không loại trừ ý kiến nào, trừ trường hợp trùng lặp.

+ Phân loại các ý kiến.

+ Làm sáng tỏ những ý kiến chưa rõ ràng và thảo luận sâu từng ý.

+ Tổng hợp ý kiến của HS và hỏi xem các em còn thắc mắc hay bổ sung điều gì không.

– *Lưu ý:*

+ Kĩ thuật kích thích tư duy có thể dùng để lí giải bất kì một vấn đề đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống nào, song đặc biệt phù hợp với các vấn đề ít nhiều đã quen thuộc trong thực tế của HS.

+ Các ý kiến phát biểu nên ngắn gọn.

+ GV cần tổng hợp các ý kiến. Các ý kiến cần được tiếp nhận một cách khéo léo, tế nhị.

6/ Kĩ thuật khăn trải bàn

– Đặc điểm: Kĩ thuật khăn trải bàn là cách thức tổ chức hoạt động học tập mang tính hợp tác kết hợp giữa hoạt động cá nhân và nhóm. HS sử dụng giấy khổ lớn để ghi nhận ý kiến cá nhân và ý kiến thống nhất chung của nhóm vào các phần được bố trí như khăn trải bàn.

Kĩ thuật này thúc đẩy sự tham gia tích cực, tăng cường tính độc lập, trách nhiệm của cá nhân HS trong quá trình học tập theo nhóm; Huy động được trí tuệ tập thể của nhóm trong quá trình HS thực hiện nhiệm vụ; Có công cụ để ghi nhận kết quả làm việc của cá nhân và thảo luận nhóm. Tuy nhiên, kĩ thuật này đòi hỏi về không gian lớp học và đồ dùng dạy học phù hợp (giấy khổ lớn, bút dạ,...); Đòi hỏi thời gian phù hợp để HS làm việc cá nhân và thống nhất ý kiến trong nhóm.

– *Cách tiến hành:*

+ HS được chia thành các nhóm nhỏ từ 4 đến 6 HS. Mỗi nhóm có một tờ giấy khổ lớn.

+ HS chia tờ giấy thành các phần, bao gồm một phần trung tâm và các phần xung quanh có số lượng bằng với số thành viên trong nhóm.

+ Mỗi thành viên ngồi vào vị trí tương ứng với phần xung quanh.

+ Mỗi thành viên làm việc độc lập, suy nghĩ và viết các ý tưởng về nhiệm vụ được giao vào ô của mình trong thời gian quy định. Kết thúc thời gian làm việc cá nhân, các thành viên chia sẻ, thảo luận và thống nhất câu trả lời. Đại diện nhóm ghi các ý tưởng được thống nhất vào phần trung tâm của "khăn trải bàn".

7/ Kĩ thuật các mảnh ghép

– *Đặc điểm:* Kĩ thuật các mảnh ghép là cách thức tổ chức hoạt động học tập hợp tác, trong đó HS sẽ hoàn thành một nhiệm vụ phức hợp qua hai giai đoạn. Đầu tiên, HS hoạt động theo nhóm để giải quyết các nhiệm vụ thành phần sao cho mỗi cá nhân trở thành chuyên gia của vấn đề được giao. Sau đó, chuyên gia thuộc các vấn đề khác nhau sẽ kết hợp trong nhóm mới, chia sẻ lại vấn đề đã tìm hiểu để cùng giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

Kĩ thuật dạy học này giúp giải quyết được nhiệm vụ phức hợp dựa trên học tập hợp tác hiệu quả; Khuyến khích sự tham gia tích cực của HS trong hoạt động nhóm, nâng cao vai trò cá nhân trong quá trình hợp tác; Phát triển năng lực giao tiếp cho mỗi HS thông qua việc chia sẻ trong nhóm mảnh ghép; Tạo cơ hội cho HS hiểu sâu một vấn đề. HS không những hoàn thành nhiệm vụ mà còn phải chia sẻ cho người khác.

Tuy nhiên, kĩ thuật này đòi hỏi thời gian hoạt động dài khi tổ chức cho HS thực hiện nhiệm vụ học tập với hai nhóm khác nhau trong hai vòng.

– *Cách tiến hành:*

Vòng 1:

+ Hoạt động theo nhóm, mỗi nhóm được phân công một nhiệm vụ cụ thể.

+ Khi thực hiện nhiệm vụ học tập, nhóm phải đảm bảo mỗi thành viên đều trở thành chuyên gia của lĩnh vực đã tìm hiểu và có khả năng trình bày lại kết quả thực hiện nhiệm vụ của nhóm ở vòng 2.

Vòng 2:

+ Hình thành nhóm mảnh ghép sao cho các nhóm có tối thiểu một thành viên đến từ mỗi nhóm chuyên gia.

+ Kết quả thực hiện nhiệm vụ của vòng 1 được các thành viên trong nhóm mảnh ghép chia sẻ đầy đủ với nhau.

+ Sau khi tất cả các thành viên chia sẻ, các nhóm mảnh ghép thảo luận và thống nhất phương án giải quyết nhiệm vụ phức hợp ban đầu.

b) Hình thức tổ chức dạy học

GV dạy học môn GDCD 7 cần kết hợp các hình thức dạy học theo hướng linh hoạt, phù hợp, hiệu quả: kết hợp dạy học theo lớp, theo nhóm và cá nhân; dạy học trong lớp với ngoài lớp, ngoài trường; tăng cường thực hành, rèn luyện kĩ năng trong các tình huống cụ thể của đời sống; tích cực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại nhằm đa dạng hoá, cập nhật thông tin, tạo hứng thú cho HS.

Khi dạy học, GV cần hạn chế giảng giải quá nhiều, cần tạo điều kiện cho HS được hoạt động và chủ động chia sẻ ý kiến. GV đóng vai người định hướng, tổ chức, gợi mở, khích lệ, lắng nghe tích cực và tổng kết. GV đón nhận và phản hồi kết quả, qua đó hướng dẫn và khuyến khích HS chủ động kết hợp với quản lí lớp học linh hoạt, sử dụng kỉ luật tích cực, tham khảo, mở rộng, điều chỉnh các hoạt động học tập một cách linh hoạt. Trong nội dung bài học, bên cạnh các năng lực chung và năng lực chuyên biệt, GV cần chú ý hướng dẫn HS rèn luyện các kĩ năng mềm như: lắng nghe, biểu cảm, chia sẻ, thuyết trình, hợp tác, tự nhận thức, ra quyết định,...

Thông qua các phương pháp dạy học trên lớp, GV phát huy tối đa quyền được tham gia của HS đồng thời kết hợp với sự tham gia của phụ huynh vào quá trình giáo dục cho con ở nhà (ví dụ thông qua các nhiệm vụ thực hiện cùng gia đình,...).

IV. KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP MÔN GIÁO DỤC CÔNG DÂN

Việc đánh giá kết quả học tập của HS căn cứ vào Thông tư số 22/2021/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1. Đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của học sinh

a) Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm xác định mức độ hoàn thành nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS theo yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông, cung cấp thông tin chính xác, kịp thời để HS điều chỉnh hoạt động rèn luyện và học tập, cán bộ quản lí giáo dục, GV điều chỉnh hoạt động dạy học.

b) Yêu cầu đánh giá

– Đánh giá căn cứ vào yêu cầu cần đạt được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông.

– Đảm bảo tính chính xác, toàn diện, công bằng, trung thực và khách quan.

– Đánh giá bằng nhiều phương pháp, hình thức, kĩ thuật và công cụ khác nhau; kết hợp giữa đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì.

– Đánh giá vì sự tiến bộ của HS, coi trọng việc động viên, khuyến khích, sự cố gắng trong rèn luyện và học tập của HS, không so sánh HS với nhau.

c) Hình thức đánh giá

Kết quả học tập môn GDCD được đánh giá thông qua nhận xét kết hợp với điểm số.

** Đánh giá bằng nhận xét*

– GV dùng hình thức nói hoặc viết để nhận xét việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS; nhận xét sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của HS trong quá trình rèn luyện và học tập; đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– HS dùng hình thức nói hoặc viết để tự nhận xét về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập, sự tiến bộ, ưu điểm nổi bật, hạn chế chủ yếu của bản thân.

– Cha mẹ HS, cơ quan, tổ chức, cá nhân có tham gia vào quá trình giáo dục HS cung cấp thông tin phản hồi về việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng nhận xét kết quả rèn luyện và học tập của HS được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

** Đánh giá bằng điểm số*

– GV dùng điểm số để đánh giá kết quả rèn luyện và học tập của HS.

– Đánh giá bằng điểm số được sử dụng trong đánh giá thường xuyên, đánh giá định kì thông qua các hình thức kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ rèn luyện và học tập của HS phù hợp với đặc thù của môn học.

** Hình thức đánh giá đối với môn GDCD*

– Đánh giá bằng nhận xét kết hợp với đánh giá bằng điểm số.

– Kết quả học tập môn học được đánh giá bằng điểm số theo thang điểm 10, nếu sử dụng thang điểm khác thì phải quy đổi về thang điểm 10. Điểm đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

d) Đánh giá kết quả học tập môn học của học sinh

* *Đánh giá thường xuyên* được thực hiện thông qua hỏi – đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập,...

Ở môn GDCD, mỗi HS được kiểm tra, đánh giá thường xuyên nhiều lần. Trong đó mỗi học kì GV chọn ra hai lần kiểm tra đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn bằng điểm số, ghi kết quả đánh giá vào Sổ theo dõi và đánh giá HS (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

* *Đánh giá định kì* gồm đánh giá giữa kì và đánh giá cuối kì được thực hiện thông qua bài kiểm tra trên giấy (hoặc trên máy tính) đánh giá bằng điểm số.

– Đối với bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính) đánh giá bằng nhận xét, bài thực hành, dự án học tập, phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá theo yêu cầu cần đạt của môn học được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông trước khi thực hiện.

– Trong mỗi học kì, có một lần đánh giá giữa kì và một lần đánh giá cuối kì.

2. Phương pháp kiểm tra, đánh giá

a) Phương pháp vấn đáp

GV trao đổi với HS thông qua việc hỏi đáp để thu thập thông tin nhằm đưa ra những nhận xét, biện pháp giúp đỡ kịp thời. Bằng phương pháp này, GV có thể kiểm tra tri thức, hành vi, thái độ của HS.

– Về tri thức, GV có thể yêu cầu HS trả lời các câu hỏi: Là gì? Như thế nào? Vì sao?

Ví dụ: Thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Em cần làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? Vì sao em cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác? (Bài 2: Quan tâm, cảm thông và chia sẻ).

– Về hành vi, GV có thể yêu cầu HS tự đánh giá hành vi của mình bằng các câu hỏi: Em đã làm điều đó như thế nào?

Ví dụ: Em đã làm gì để thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác?

– Về thái độ, GV có thể yêu cầu HS giải thích động cơ thực hiện hành vi của mình hoặc bày tỏ thái độ đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến, hành vi có liên quan đến bài học.

Ví dụ: Theo em, hành động nào không thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ? (Nêu một số trường hợp để HS nhận xét và giải thích sự bày tỏ thái độ của mình).

Ở mức độ cao hơn, GV có thể cho HS trình bày ý kiến xử lí tình huống trên cơ sở gắn kiến thức của bài học với thực tiễn cuộc sống xung quanh, gần gũi với HS. Ví dụ: Em sẽ làm gì trong các tình huống sau đây? (Nêu ra một số tình huống để HS đề xuất cách xử lí).

b) Phương pháp quan sát

GV quan sát HS trong quá trình dạy học trên lớp, sử dụng phiếu quan sát, bảng kiểm tra, nhật kí ghi chép lại các biểu hiện của HS để sử dụng làm minh chứng đánh giá quá

trình học tập, rèn luyện của HS. Các nhận xét phải dựa trên các bằng chứng xác thực từ kết quả quan sát HS tham gia hoạt động học tập và hoạt động thực tiễn; nghiên cứu sản phẩm hoạt động của HS, đặc biệt là sản phẩm thực hành, ứng dụng và quan trọng nhất là quan sát cách HS giao tiếp, ứng xử, giải quyết các tình huống có vấn đề về đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống trong cuộc sống thực tiễn.

Ví dụ: GV có thể quan sát HS thể hiện việc tự giác, tích cực học tập của HS trong lớp như thế nào qua thái độ, việc làm cụ thể như: học bài, làm bài không cần phải nhắc nhở, tích cực tham gia hoạt động nhóm, lắng nghe thầy, cô giáo giảng bài, tích cực phát biểu, hỏi thầy cô và bạn bè những vấn đề mình chưa hiểu,... (Bài 3: Học tập tự giác, tích cực).

c) Phương pháp đánh giá qua bài kiểm tra viết của HS

Đây là phương pháp truyền thống song điểm mới là không kiểm tra học thuộc lòng kiến thức mà chủ yếu kiểm tra năng lực hiểu biết vấn đề, xử lí tình huống, thực chất là kiểm tra năng lực sáng tạo trong nhận thức của HS. Vì vậy, bài viết có thể là bài tập tình huống, một trường hợp, một sự kiện để các em nhận xét, đánh giá, tìm ra cách giải quyết tình huống của bản thân hay của người khác.

Bài kiểm tra gồm các câu hỏi, bài tập được thiết kế theo mức độ, yêu cầu cần đạt của chương trình, dưới hình thức trắc nghiệm, tự luận hoặc kết hợp trắc nghiệm và tự luận để đánh giá mức đạt được về các nội dung giáo dục cần đánh giá.

d) Phương pháp đánh giá qua hồ sơ học tập, các sản phẩm, hoạt động của HS

GV nhận xét, đánh giá về các sản phẩm, kết quả hoạt động của HS theo từng nội dung giáo dục: đánh giá qua phiếu học tập, báo cáo kết quả điều tra, dự án,...

Ví dụ: Đánh giá bài viết giới thiệu về di sản văn hoá quê hương; tranh ảnh/tư liệu sưu tầm về các di tích văn hoá của quê hương, đất nước,... (Bài 5: Bảo tồn di sản văn hoá).

3. Lực lượng đánh giá

Kết hợp đánh giá của GV với tự đánh giá và đánh giá đồng đẳng của HS, đánh giá của gia đình HS và cộng đồng, trong đó đánh giá của GV là quan trọng nhất.

– GV căn cứ vào các biểu hiện về nhận thức, kĩ năng, thái độ của HS ở từng năng lực, phẩm chất để nhận xét, có biện pháp giúp đỡ kịp thời.

– HS tự nhận xét và tham gia nhận xét bạn, nhóm bạn về những biểu hiện của từng năng lực, phẩm chất.

– GV trao đổi, phối hợp với gia đình HS để động viên, giúp đỡ HS rèn luyện và phát triển phẩm chất, năng lực.

PHẦN HAI
HƯỚNG DẪN DẠY HỌC CÁC BÀI CỤ THỂ

Bài 1. TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương.

Về phẩm chất

Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua niềm tự hào về truyền thống của quê hương; sống có trách nhiệm, phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Tranh ảnh, truyện, thơ, thành ngữ, tục ngữ, bài hát, những ví dụ thực tế gắn với chủ đề "Tự hào về truyền thống quê hương";

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

GV cho HS xem ảnh và mời một vài HS chia sẻ hiểu biết về các truyền thống quê hương qua những bức ảnh.

Gợi ý:

– Bức ảnh 1: Tượng đài Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh, Hà Nội:

Tượng đài ghi dấu những chiến công, sự hi sinh của các chiến sĩ và người dân Hà Nội trong trận chiến lịch sử "60 ngày đêm bảo vệ Thủ đô". Hình tượng anh vệ quốc quân và cô gái Hà thành trong trang phục truyền thống ở tư thế chiến đấu thể hiện truyền thống yêu nước, tinh thần bất khuất, ý chí dũng cảm của quân và dân Thủ đô trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

– Bức ảnh 2: Người Dao Đỏ ở Lào Cai trong trang phục truyền thống:

Trang phục truyền thống của người Dao Đỏ nổi bật với chiếc khăn đội đầu màu đỏ. Khăn đội đầu này được trang trí hình vết chân hổ, cây vạn hoa, hình cách đoạn,... Trong trang phục truyền thống của người Dao Đỏ, quan trọng nhất là chiếc áo dài. Theo phong tục, phụ nữ Dao Đỏ không mặc áo ngắn mà chỉ mặc áo dài. Áo tứ thân màu chàm hoặc đen, tay đấu thẳng vào thân. Hoa văn trang trí trên quần được thêu tỉ mỉ.

Trang phục của người Dao Đỏ không chỉ biểu hiện tính cần cù, nhẫn nại và bàn tay khéo léo, trí tưởng tượng phong phú cùng với con mắt thẩm mĩ mà về nghệ thuật còn rất tinh tế trong việc sử dụng màu sắc, bố cục cân đối, hài hoà, vui tươi, trong sáng, góp phần tô điểm thêm cho bản sắc riêng vốn có của dân tộc ở Tây Bắc.

– Bức ảnh 3: Điệu múa truyền thống của người Chăm ở Khánh Hoà:

Vũ điệu Chăm có nguồn gốc từ lao động, sinh hoạt thường ngày của người dân bản địa, hoặc mô phỏng từ những động tác của các loài vật.

Múa Chăm là hoạt động văn hoá tinh thần không thể thiếu trong lễ hội của người Chăm ở Khánh Hoà, vừa tạo không khí lễ hội vừa là lời ước nguyện của dân làng gửi đến trời, đất, thần linh cầu mong cuộc sống no đủ, mùa màng tốt tươi. Điệu múa Chăm phổ biến nhất là múa đội lu, múa chim công, múa gáo dừa,... Khi múa đội lu, các thiếu nữ uyển chuyển theo làn điệu nhưng vẫn giữ thăng bằng cho chiếc lu trên đầu. Đó là hình ảnh mô phỏng cô gái Chăm lấy nước bên bờ suối hay dâng nước lên tháp.

– Bức ảnh 4: Bánh khọt – món ăn truyền thống ở Nam Bộ:

Đối với người dân Nam Bộ, bánh khọt là món ăn quen thuộc và được nhiều người ưa thích. Mỗi chiếc bánh có hình tròn vừa đủ cắn làm đôi hoặc một miếng lớn. Bánh khọt được làm từ bột gạo, bột nghệ, bột mì, nước cốt dừa, trứng gà, đậu xanh hấp bỏ vỏ, tép bóc vỏ cắt hạt lựu hoặc băm nhuyễn, hành lá, tỏi, ớt, dầu ăn và một số gia vị khác.

Bánh khọt chín vừa ăn có màu vàng nghệ trông rất bắt mắt, có độ giòn và vị ngọt của gạo, vị béo của nước dừa, có hương thơm hoà quyện của nghệ và hành lá. Bánh được dùng kèm với các loại rau, nước cốt dừa, nước mắm chua ngọt và thêm ít ớt cay cay.

Sau đó, GV dẫn dắt vào bài mới.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu một số truyền thống của quê hương

a) Mục tiêu: HS nêu được một số truyền thống tốt đẹp của quê hương.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV lần lượt mời 1 – 2 HS đọc thông tin 1 về lễ hội Lim ở Bắc Ninh và thông tin 2 về buổi giao lưu, gặp gỡ chứng nhân lịch sử của phong trào Đồng khởi ở Bến Tre (nay là Vĩnh Long).

– Sau khi đọc thông tin, GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để trả lời các câu hỏi:

+ Những thông tin trên giới thiệu truyền thống nào của tỉnh Bắc Ninh và Vĩnh Long? Em có suy nghĩ gì về những truyền thống đó?

Gợi ý:

• Thông tin 1: Truyền thống của tỉnh Bắc Ninh: lễ hội Lim truyền thống, làn điệu dân ca, hát quan họ, trang phục truyền thống của các liền anh, liền chị và những trò chơi dân gian trong lễ hội; Suy nghĩ: Trân trọng và tự hào về nét đẹp văn hoá, giá trị văn hoá truyền thống, tốt đẹp của quê hương Bắc Ninh.

• Thông tin 2: Truyền thống của tỉnh Vĩnh Long: yêu nước, chống giặc ngoại xâm, truyền thống anh hùng cách mạng; Suy nghĩ: Tự hào về thế hệ ông cha, muốn học tập và noi gương những truyền thống tốt đẹp đó.

+ Hãy kể tên những truyền thống ở quê hương em và chia sẻ cảm nhận của em về những truyền thống đó.

Gợi ý: Truyền thống yêu nước, truyền thống cách mạng, truyền thống văn hoá: hát dân ca, các nhạc cụ cổ truyền, lễ hội truyền thống, nghề truyền thống (nghề thêu, đan, làm gốm,...); Cảm nhận: tự hào, yêu quý, trân trọng, muốn học tập, noi theo, giữ gìn và phát huy những truyền thống đó.

+ Truyền thống của quê hương có ý nghĩa như thế nào đối với mỗi người?

Gợi ý: Truyền thống quê hương có vai trò quan trọng trong việc hình thành tư tưởng, đức tính, lối sống tốt đẹp của mỗi cá nhân.

– GV tổng hợp các ý kiến trên bảng/giấy khổ lớn, yêu cầu HS bổ sung thêm nếu còn ý kiến khác và rút ra kết luận về ý nghĩa của truyền thống quê hương đối với mỗi người.

+ Truyền thống quê hương là những giá trị văn hoá, lịch sử, đạo đức, tinh thần cao quý, tốt đẹp và những giá trị vật chất, kĩ năng nghề được truyền qua nhiều thế hệ sinh sống ở một địa phương, vùng đất.

+ Tự hào về truyền thống quê hương chính là tự hào về nguồn gốc của mình, là nền tảng để xây dựng giá trị cốt lõi và hình thành sự tự tin của mỗi người.

Hoạt động 2: Giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương

a) Mục tiêu: HS biết giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương bằng những việc làm cụ thể, phù hợp.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: Các bạn đã có những hoạt động gì để giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương?

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung nếu có.

Gợi ý:

+ Trường hợp 1: Thanh thấy tự hào về truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương mình và đã có hành động thiết thực để giữ gìn và phát huy truyền thống đó. Bạn đã cùng nhóm bạn trong lớp sưu tầm và chia sẻ những hình ảnh, câu chuyện về

lịch sử chống giặc ngoại xâm của người dân Thủ đô. Đó chính là những việc làm thể hiện sự tự hào về truyền thống của quê hương và tiếp nối, phát huy truyền thống đó.

+ Trường hợp 2: Hoà đã phát huy truyền thống quê hương bằng việc trân trọng trang phục truyền thống dân tộc mình, tham gia câu lạc bộ may, thêu trang phục truyền thống và mong muốn được mặc bộ trang phục truyền thống dân tộc trong lễ tốt nghiệp THCS.

+ Trường hợp 3: Bình giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương bằng cách phê phán và phản đối những hành động làm mất đi vẻ đẹp truyền thống của lễ hội quê hương. Bình đã cùng các anh chị nhắc nhở du khách không vứt rác bừa bãi, hạn chế việc thắp hương và báo với các chú công an khi thấy hiện tượng tiêu cực.

– HS tiếp tục thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi: Theo em, HS cần làm gì để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương?

– GV yêu cầu từng nhóm liệt kê những hành động cụ thể, thiết thực mà mỗi HS có thể làm được để giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương.

Gợi ý: Những việc nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương:

+ Tìm hiểu về truyền thống quê hương mình qua việc hỏi han, trò chuyện với ông bà, bố mẹ, các nghệ nhân, người làm nghề truyền thống, các cựu chiến binh ở địa phương,...

+ Tham gia và hỗ trợ hoạt động tổ chức các lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hoá của địa phương, quê hương mình.

+ Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

+ Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm cụ thể, thiết thực, phù hợp với độ tuổi như: chăm chỉ học tập, tham gia các câu lạc bộ về kĩ năng, kĩ nghệ truyền thống của quê hương, kính trọng người lớn tuổi, trân trọng những người lính, cựu chiến binh, thanh niên xung phong ở địa phương đã chiến đấu vì đất nước,...

– Đại diện các nhóm trả lời, GV tổng hợp các ý kiến và kết luận:

Mỗi HS cần tìm hiểu và tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương, từ đó có những việc làm phù hợp để giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương như: tôn trọng đa dạng văn hoá vùng miền, kính trọng và biết ơn những người có công, tham gia các hoạt động đền ơn, đáp nghĩa, tham gia các hoạt động sinh hoạt văn hoá của quê hương,...

Bên cạnh đó, HS cũng cần phê phán và phản đối những việc làm trái ngược, ngăn chặn những hành vi làm tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương; những việc làm phù hợp của HS để giữ gìn, phát huy truyền thống của quê hương và biết phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Bày tỏ quan điểm*

– GV yêu cầu HS đọc các quan điểm và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu quan điểm của mình và giải thích theo phiếu học tập gợi ý dưới đây.

– GV cùng HS nhận xét kết quả thực hiện nhiệm vụ và tổng hợp lại nội dung của phiếu học tập.

Ý kiến	Đồng tình	Không đồng tình	Giải thích
Tự hào về truyền thống quê hương cũng chính là tự hào về nguồn gốc, dòng họ, tổ tiên của mình.	x		Quê hương là gốc rễ của gia đình, dòng họ của mình, là nơi mình hoặc ông bà, cha mẹ sinh ra. Bởi vậy, tự hào về truyền thống quê hương chính là tự hào về nguồn gốc, dòng họ, tổ tiên của mình.
Nghề thủ công truyền thống không còn là niềm tự hào của quê hương vì không phù hợp với cuộc sống hiện đại.		x	Nghề thủ công truyền thống là một nét đẹp truyền thống của địa phương, mang đến bản sắc riêng và là niềm tự hào của truyền thống quê hương.
Truyện dân gian và những làn điệu dân ca địa phương là một phần của truyền thống văn hoá quê hương.	x		Những câu chuyện, làn điệu dân ca của địa phương góp phần tạo nên bản sắc văn hoá riêng có của địa phương đó và là nét đẹp truyền thống văn hoá của địa phương.

2. *Những việc nên làm và không nên làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương*

– GV chia lớp thành các nhóm để thảo luận. Một nửa lớp thảo luận về những việc *nên làm* để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương; nửa còn lại thảo luận về những việc *không nên làm* để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.

Gợi ý:

Việc nên làm	Việc không nên làm
– Tìm hiểu về truyền thống của quê hương mình. – Tham gia các lễ hội truyền thống, sinh hoạt văn hoá của địa phương, quê hương. – Phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. – Tiếp nối những truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm như: chăm chỉ học tập,	– Chê bai các giá trị truyền thống. – Trêu chọc các bác thương binh, con em gia đình thương binh, liệt sĩ, người có công với cách mạng. – Viết, vẽ bậy lên các khu di tích, bảo tàng văn hoá.

tham gia các câu lạc bộ về nghề truyền thống, âm nhạc, nghệ thuật truyền thống,... – Tuyên truyền, giới thiệu các giá trị văn hoá truyền thống. – Kính trọng người lớn tuổi, trân trọng những người lính, cựu chiến binh, thanh niên xung phong ở địa phương đã chiến đấu vì đất nước,... – ...	– Xả rác bừa bãi, tiếp tay cho việc chèo kéo khách du lịch,... tại các lễ hội. – ...

3. *Thể hiện sự đồng tình hay không đồng tình với hành vi*

– GV yêu cầu HS đọc các hành vi của từng bạn trong từng trường hợp và hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ bằng cách nêu quan điểm của mình và giải thích.

– GV mời một số HS phát biểu ý kiến, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV đưa ra kết luận.

Gợi ý:

a) Đồng tình với hành vi này vì đây là hành động nên làm. Thành phố nơi mình sinh sống có thể là quê hương nơi mình sinh ra, cũng có thể là quê hương thứ hai, nơi mình lớn lên, học tập và sinh sống. Từ việc tìm hiểu truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm sẽ giúp HS hiểu biết hơn về lịch sử, thêm yêu quý, tự hào về nơi mình sinh sống.

b) Không đồng tình với hành vi này vì lễ hội đầu xuân là một nét đẹp văn hoá của địa phương. Việc chèo kéo khách mua đồ lưu niệm lại là hành vi thiếu văn hoá, không nên làm vì ảnh hưởng đến không gian lễ hội, vi phạm quy định của địa phương.

c) Đồng tình với hành vi này vì thông qua việc tham gia hội thi, HS sẽ hiểu hơn về truyền thống quê hương, thêm yêu, thêm tự hào về quê hương mình. Mặt khác, việc tham gia hội thi cũng giúp các bạn HS giao lưu, học hỏi lẫn nhau, tăng thêm hiểu biết và các kĩ năng xã hội.

4. *Xử lí tình huống*

– GV giao cho mỗi nhóm nghiên cứu một tình huống, phân chia nhân vật để sắm vai, xử lí tình huống.

– Các nhóm thảo luận, đưa ra cách xử lí tình huống và phân công sắm vai.

– Lần lượt từng nhóm lên sắm vai, các nhóm khác chú ý lắng nghe và nhận xét phần xử lí tình huống của nhóm bạn.

– GV khen ngợi các nhóm có cách xử lí đúng, chỉnh sửa những cách xử lí chưa đúng.

Gợi ý:

+ Tình huống 1: Em không đồng ý với hành động của H. Em nên nói với H rằng HS cần nghe để biết và hiểu ông cha ngày xưa đã chiến đấu, hi sinh để bảo vệ Tổ quốc như thế nào. Từ đó trân trọng những thành quả chiến đấu của ông cha, quý trọng hoà bình và độc lập đất nước có được ngày hôm nay. Hơn nữa, HS cần nghe và hiểu lịch sử để kế thừa và phát huy truyền thống yêu nước, phấn đấu học tập, rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời đại mới.

+ Tình huống 2: Nếu là T, em nên thuyết phục các bạn rằng các món ăn nước ngoài cũng rất thú vị nhưng những món ăn truyền thống quê hương đã tồn tại và phát triển từ lâu đời, có các giá trị đặc biệt. Trong dịp chào mừng ngày Quốc tế Phụ nữ, chúng ta nên chọn những món ăn quen thuộc hằng ngày mà các bà, các mẹ vẫn nấu cho chúng ta. Những món ăn quê hương ấy chứa cả tình thương gia đình và tâm hồn quê hương sẽ có nhiều ý nghĩa hơn.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS:

1. Tìm hiểu về một truyền thống của quê hương và viết bài giới thiệu truyền thống đó cho mọi người.

2. Cùng các bạn trong nhóm tập một làn điệu dân ca, điệu múa truyền thống hay một bài hát ca ngợi truyền thống quê hương sau đó biểu diễn trước lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 2. QUAN TÂM, CẢM THÔNG VÀ CHIA SẺ

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

– Giải thích được vì sao mọi người phải quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nhau.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thường xuyên có những lời nói, việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người.

Về phẩm chất

Có phẩm chất nhân ái, thể hiện qua việc biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với mọi người; khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác; phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Tranh ảnh, video liên quan đến bài học;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS; huy động những kinh nghiệm thực tế của HS về quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) Tổ chức thực hiện:

Phương án 1: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "Tiếp sức": Các thành viên của mỗi đội lần lượt nêu một câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ về quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

– GV hỏi: Những câu ca dao, thành ngữ, tục ngữ đó có ý nghĩa gì?

– GV nhận xét, kết luận để dẫn vào bài mới: Để cuộc sống thêm tươi đẹp, con người hạnh phúc hơn, cần đặt mình vào vị trí của người khác để thấu hiểu, cảm thông, chia sẻ buồn, vui cùng họ.

Phương án 2: HS xem video "Lòng tốt dễ lây" – phim hoạt hình thuộc chiến dịch truyền thông do UNICEF và Bộ Y tế phát động vào tháng 5 – 2020 nhằm kêu gọi xây dựng tình đoàn kết, tương thân, tương ái giữa các bạn trẻ Việt Nam trong đại dịch COVID – 19.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu những biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ

a) Mục tiêu: HS nêu được những biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS đọc truyện (hoặc kể chuyện phân vai), quan sát các hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Nêu những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ trong câu chuyện "Chiếc băng gạc cho trái tim tan vỡ" và các hình ảnh trong SGK.

– HS thảo luận nhóm, nêu những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và những hành vi chưa thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ, sau đó trình bày trước lớp.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận: Những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ:

+ Lắng nghe, động viên, an ủi, nhắn tin, gọi điện hỏi thăm.

+ Chia sẻ về vật chất và tinh thần với những người gặp khó khăn.

+ Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

+ Phê phán thói ích kỉ, thờ ơ trước khó khăn, mất mát của người khác.

Gợi ý: GV và HS có thể dùng câu chuyện, thông tin, tranh ảnh minh hoạ thêm cho những biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ

a) Mục tiêu: HS giải thích được vì sao cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc ba trường hợp trong SGK để làm rõ ý nghĩa của sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

– Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận: Sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ giúp con người vượt qua mọi khó khăn, thử thách để có cuộc sống vui vẻ, hạnh phúc hơn; các mối quan hệ trở nên tốt đẹp và bền vững hơn.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức vừa khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK.

Gợi ý: HS có thể vẽ sơ đồ tư duy để tổng kết kiến thức ở hoạt động Khám phá.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố những tri thức vừa khám phá qua việc bày tỏ ý kiến, nhận xét hành vi, xử lí tình huống, liên hệ bản thân về những vấn đề liên quan tới sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Bày tỏ ý kiến*

– HS thảo luận nhóm, bày tỏ sự tán thành hay không tán thành và giải thích vì sao.

Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

a) Không tán thành vì ai cũng cần quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Tuy nhiên, những người khó khăn cần nhiều hơn.

b) Không tán thành vì dù họ không đề nghị (có thể vì ngại ngần) thì mình vẫn cần thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Bên cạnh đó, nếu mình cần sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ thì cũng nên có lời đề nghị người khác giúp đỡ.

c) Không tán thành vì tặng quà (vật chất) chỉ là một biểu hiện của quan tâm, cảm thông và chia sẻ. Thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ còn cần cả những lời nói, cử chỉ ân cần.

d) Tán thành vì đó chính là ý nghĩa của quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

2. *Nhận xét hành vi*

GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm đôi để đưa ra nhận xét.

Gợi ý:

a) Suy nghĩ và việc làm của H không đúng, bạn cần thường xuyên gọi điện hỏi thăm để thể hiện sự quan tâm với ông bà, để mang lại niềm vui cho ông bà.

b) Việc làm của M thể hiện quan tâm, cảm thông và chia sẻ với hàng xóm láng giềng.

c) Việc làm của K thể hiện bạn không chỉ quan tâm, cảm thông và chia sẻ với bạn bè mà còn rất khéo léo khi thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ đó.

d) Việc làm của A thể hiện bạn chưa biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác.

3. *Xử lí tình huống*

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm xử lí một tình huống.

– HS làm việc nhóm, lựa chọn cách xử lí tình huống.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

+ Tình huống 1:

1/ Dỗ cho em bé nín khóc, dẫn em đến địa điểm gần nhất như trụ sở công an, uỷ ban nhân dân xã/phường,... nhờ giúp đỡ. Sau đó đến trường trình bày với thầy, cô giáo về việc vừa xảy ra.

2/ Dẫn em bé đến trường, gửi ở phòng bảo vệ, nói với bác bảo vệ và thầy, cô giáo để có cách giúp em bé.

3/ Gọi điện/tìm người lớn thân quen giúp đỡ em bé,...

+ Tình huống 2:

1/ An ủi, động viên bạn và nói với thầy, cô giáo để có biện pháp giúp đỡ bạn để bạn yên tâm học tập.

2/ Nói với lớp trưởng để cùng có giải pháp giúp bạn,...

+ Tình huống 3: Nếu không có điều kiện vật chất để giúp bạn, em vẫn có thể giúp bạn bằng cách động viên, an ủi, lắng nghe, chia sẻ buồn vui cùng bạn.

4. *Liên hệ bản thân*

HS làm việc cá nhân, điền vào bảng mẫu, chia sẻ với các bạn những lời nói, việc đã làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết vấn đề/nhiệm vụ thực tiễn liên quan đến bài học.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Sưu tầm và kể về một tấm gương biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với người khác và rút ra bài học.

HS làm việc cá nhân, sưu tầm một tấm gương liên quan đến bài học và chia sẻ trước lớp trong giờ học sau.

2. Tìm hiểu về một bạn có hoàn cảnh khó khăn và lập kế hoạch giúp đỡ bạn.

HS làm việc nhóm, tìm hiểu, lập và thực hiện kế hoạch giúp đỡ một bạn có hoàn cảnh khó khăn theo gợi ý sau:

KẾ HOẠCH GIÚP ĐỠ
BẠN CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Họ và tên bạn cần giúp đỡ	
Những khó khăn của bạn	
Những việc em có thể giúp	
Thời gian thực hiện	

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 3. HỌC TẬP TỰ GIÁC, TÍCH CỰC

(2 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

– Giải thích được vì sao phải học tập tự giác, tích cực.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được việc học tập tự giác, tích cực.

Về phẩm chất

Có phẩm chất chăm chỉ, trách nhiệm, thể hiện qua việc tự giác, tích cực trong học tập; biết góp ý, nhắc nhở những bạn chưa tự giác, tích cực học tập để khắc phục hạn chế này.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Tranh ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, trò chơi, bài hát, những ví dụ thực tế,... gắn với bài "Học tập tự giác, tích cực";

– Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

GV chọn một trong hai cách sau:

– *Cách 1:* GV có thể sử dụng nội dung đoạn Mở đầu trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học mới thông qua việc giúp các em nhận biết được ý nghĩa của việc học tập tự giác, tích cực.

– *Cách 2:* Tổ chức hoạt động tập thể

+ GV cho HS nghe/hát bài "Hỏng dám đâu" (sáng tác: Nguyễn Văn Hiên).

+ GV đặt câu hỏi: Bạn nhỏ trong bài hát trên đã tự giác học tập như thế nào?

+ HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của các bạn.

+ GV nhận xét và kết luận: Bạn nhỏ trong bài hát trên đã tự giác trong học tập, không tham gia các trò chơi cùng các bạn khi chưa hoàn thành bài tập.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu biểu hiện của học tập tự giác, tích cực

a) Mục tiêu: HS nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu một HS đọc to, rõ ràng câu chuyện trong SGK và yêu cầu các nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi: Bác Hồ đã tự học ngoại ngữ như thế nào?

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung.

– GV phân tích và kết luận: Qua câu chuyện, chúng ta thấy được tinh thần tự giác, tích cực học ngoại ngữ của Bác Hồ:

+ Bác đã tự tìm cách học, tự học và tự rèn luyện đến khi đọc thông viết thạo và nói giỏi một ngoại ngữ mới. Cách học của Bác thể hiện trước hết ở niềm yêu thích ngôn ngữ mới bởi vì Bác đã xác định phải biết tiếng Tây để hiểu Tây, và hiểu Tây thì mới thắng được Tây.

+ Bác học từ vựng một cách có hệ thống, hỏi những người bản xứ, người lính giải ngũ trên tàu về các đồ vật xung quanh, ghi tên và nhớ cách phát âm của chúng. Bác đã kiên trì tự học từng chút một.

+ Bác luôn tạo ra cho mình một "môi trường" học ngoại ngữ và học thường xuyên, đều đặn. Kiên trì mỗi ngày học thuộc mười từ, học ở mọi nơi, mọi lúc cho kì thuộc, có khi viết các từ đó lên cánh tay để vừa làm vừa nhìn vào đó cho nhớ. Trong suốt hành trình tìm đường cứu nước, đi đến đâu là học ngay ngoại ngữ đó, dù hằng ngày, Bác bận rộn kiếm sống bằng những công việc lao lực.

+ Bác thường xuyên sử dụng ngoại ngữ trong cuộc sống và công việc hằng ngày (đọc sách, báo tiếng nước ngoài,...). Học trong công việc, cuộc sống nhiều hơn là học trong sách vở. Tự học và tự thực hành để ghi nhớ kiến thức.

+ Việc tích cực, tự giác học tập ngoại ngữ đã giúp Bác rất nhiều trong quá trình tìm đường cứu nước và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Với Bác, đói rét không phải là rào cản cho người ham học và tự học. Học ngoại ngữ để tìm đường cứu nước; học ngoại ngữ để nâng tầm văn hoá và phục vụ sự nghiệp cách mạng.

– GV tiếp tục hướng dẫn các nhóm quan sát các bức tranh trong SGK để nêu những biểu hiện của học tập tự giác, tích cực và chưa tự giác, tích cực.

+ Tranh 1: Ba bạn thảo luận nhiệt tình trong hoạt động nhóm, một bạn nữ bên trái chưa tích cực trong làm việc nhóm;

+ Tranh 2: Chủ động học bài;

+ Tranh 3: Đọc và soạn trước các bài học;

+ Tranh 4: Hăng hái phát biểu xây dựng bài học.

– Các nhóm kể thêm những biểu hiện học tập tự giác, tích cực của chính bản thân các em hoặc của người khác mà em biết.

– GV tổng hợp các ý kiến của các nhóm trên bảng/giấy khổ lớn, yêu cầu HS bổ sung

nếu còn ý kiến khác và cùng HS rút ra kết luận về biểu hiện của học tập tự giác, tích cực:

+ Có mục đích và động cơ học tập đúng đắn;

+ Chủ động, tích cực trong thực hiện nhiệm vụ học tập (học và làm bài đầy đủ, tích cực phát biểu xây dựng bài, tích cực hợp tác khi học nhóm,...);

+ Luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì trong học tập;

+ Xây dựng và thực hiện kế hoạch học tập cụ thể, phù hợp với năng lực của bản thân.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực

a) Mục tiêu: HS giải thích được ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực đối với HS.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu hai trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: Việc tự giác, tích cực học tập đã đem lại điều gì cho Tuấn và Yến?

+ GV gợi ý các nhóm thông qua việc đưa ra một vài câu hỏi gợi mở như:

• Trường hợp 1: 1/ Vì sao Tuấn cho rằng ý định cho Tuấn theo học ở trung tâm luyện thi để có thể đỗ vào trường chuyên của thành phố của bố mẹ là không cần thiết?; 2/ Tuấn đã rèn luyện tính tích cực, tự giác trong học tập như thế nào?

• Trường hợp 2: Yến đã làm gì để xây dựng được hình ảnh một HS năng động, tự tin, gần gũi?

+ Sau phần trả lời của HS, GV nhận xét và kết luận: Việc tự giác, tích cực học tập đã đem lại cho Tuấn và Yến nhiều kết quả tốt trong học tập và rèn luyện. Nhờ tích cực, tự giác học tập mà Tuấn đã giành giải Nhất ở cuộc thi Khoa học kĩ thuật cấp Quốc gia dành cho HS trung học; Yến thì đã trở thành một HS năng động, tự tin,... luôn được thầy cô và bạn bè yêu mến;...

– GV tiếp tục cho HS thảo luận ý nghĩa của học tập tích cực, tự giác thông qua chia sẻ việc học tập của chính các em.

– GV mời một vài HS chia sẻ ý kiến về việc tự giác, tích cực học tập hằng ngày.

– GV tổng kết và kết luận về ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực:

+ Giúp chúng ta chủ động, sáng tạo, không ngừng tiến bộ và đạt kết quả cao trong học tập.

+ Rèn luyện tính tự lập, tự chủ, ý chí kiên cường, bền bỉ.

+ Giúp chúng ta thành công trong cuộc sống.

+ Được bạn bè, mọi người tin tưởng, yêu mến và giúp đỡ vì chính ý thức tự giác của chúng ta sẽ trở thành động lực để người khác noi theo.

– Ngoài ra, GV có thể mở rộng và nhắc nhở HS tự giác, tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động xã hội để mở rộng sự hiểu biết về mọi mặt; rèn luyện được kĩ năng cần thiết cho bản thân; góp phần xây dựng quan hệ tập thể lành mạnh, thân ái.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về biểu hiện và ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố những tri thức đã được khám phá và thực hành xử lí tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm thảo luận một ý kiến trong SGK.

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm khác quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

Gợi ý:

+ Đồng tình với ý kiến a và d:

a) Luôn chủ động thực hiện nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở là việc làm đúng, thể hiện việc học tập tự giác, tích cực.

d) Tự giác, tích cực học tập giúp em rèn luyện tính tự lập, tự chủ và tích luỹ kiến thức cho bản thân.

+ Không đồng tình với ý kiến b và c vì:

b) Chỉ cần tự giác, tích cực học tập khi tới các kì kiểm tra là việc làm sai. Học tập là cả một quá trình rèn luyện và tích luỹ. Nếu chỉ học vì mục đích điểm số là học đối phó, không giúp HS tiến bộ trong học tập.

c) Chỉ cần xây dựng kế hoạch học tập còn việc thực hiện thì tuỳ thuộc vào hoàn cảnh là việc làm không đúng vì thực hiện kế hoạch đặt ra sẽ không chỉ có lợi đối với việc nâng cao chất lượng học tập mà còn giúp HS bồi dưỡng và hình thành những thói quen tích cực như: luôn làm việc có kế hoạch, luôn có ý thức và ý chí thực hiện kế hoạch, biết quản lí bản thân, quản lí thời gian,...

2. *Bạn nào dưới đây đã học tập tự giác, tích cực? Vì sao?*

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để đưa ra nhận xét về hành động/việc làm của các nhân vật ở các trường hợp/tình huống trong SGK.

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm khác quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). Sau đó, GV hỏi các nhóm có đồng tình với ý kiến của nhóm bạn không. GV đánh giá, khen ngợi hoặc chỉnh sửa các ý kiến và kết luận:

a) Q chưa tự giác, tích cực trong học tập vì bạn thường nhờ các bạn học giỏi trong lớp làm giúp bài tập rồi chép lại.

b) A đã tự giác, tích cực trong học tập. Bạn đã dành thời gian để đọc thêm tác phẩm văn học, sưu tầm những câu chuyện, câu nói hay để vận dụng vào viết văn,... nên đã nâng cao kĩ năng viết văn của mình.

c) B chưa tự giác, tích cực trong học tập vì bạn chỉ tập trung học tốt môn Tiếng Anh nhưng lại coi thường các môn học khác.

d) N chưa tự giác, tích cực trong học tập vì bạn chỉ ngồi vào bàn học đúng giờ nhưng lại không tập trung. Bạn thường xuyên xem điện thoại, tin nhắn khi làm bài tập; chỉ học bài khi bố mẹ thúc giục, kiểm tra.

e) T chưa tự giác, tích cực học tập vì bạn còn ngủ gật trong giờ học; P là người tự giác, tích cực học tập vì đã góp ý, khuyên T nên tập trung nghe cô giảng bài.

– GV khuyên HS nên học tập bạn A, bạn P; không nên làm theo bạn Q, bạn B, bạn N, và bạn T để góp phần rèn luyện đức tính tự giác, tích cực trong học tập cũng như trong cuộc sống hằng ngày.

3. *Xử lí tình huống*

– GV yêu cầu các nhóm thảo luận, sắm vai xử lí tình huống. Mỗi nhóm chọn một tình huống để sắm vai.

– Lần lượt các nhóm lên sắm vai. Các HS khác quan sát, nhận xét cách xử lí tình huống của từng nhóm, đề xuất cách xử lí khác (nếu có).

– GV nhận xét, đánh giá, gợi ý cách xử lí:

+ Tình huống 1: M nên sắp xếp lại thời gian làm bài tập hôm nay lên sớm hơn mọi ngày để hoàn thành và có thời gian tham dự bữa tiệc sinh nhật của bạn thân như đã hứa.

Trong trường hợp số lượng bài tập phải hoàn thành nhiều nên không thể tham dự sinh nhật bạn như đã hứa thì M cần gọi điện xin lỗi bạn, nói rõ lí do không tham dự được và sẽ chúc mừng sinh nhật bạn vào ngày nghỉ cuối tuần.

+ Tình huống 2: K nên trao đổi, chia sẻ suy nghĩ của mình để các bạn hiểu. Bên cạnh đó, K nên thường xuyên giúp đỡ các bạn học yếu trong lớp để các bạn cùng tiến bộ như mình, có như vậy, một số bạn sẽ thay đổi cách nghĩ về K. Nếu K giải thích nhưng một số bạn vẫn không hiểu mình thì K có thể nhờ các bạn có uy tín trong lớp hoặc cô giáo chủ nhiệm giải thích giúp mình.

+ Tình huống 3: Khuyên C không nên như vậy, bạn cần tích cực tham gia phát biểu ý kiến để thầy, cô giáo và các bạn biết câu trả lời, quan điểm của bạn. Bên cạnh đó, tích cực phát biểu cũng góp phần rèn kĩ năng nói trước đám đông và giúp C trở nên tự tin hơn.

+ Tình huống 4: Em nên nói chuyện với S, rủ các bạn trong nhóm/tổ/lớp hoà đồng với S, rủ bạn tham gia các hoạt động tập thể của lớp, của trường; giúp đỡ bạn trong học tập: hướng dẫn, gợi ý bài tập nào S chưa làm được, nhờ cô giáo phân công các bạn học giỏi/khá trong lớp trực tiếp giúp đỡ S,...

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy viết về một tấm gương học tập tự giác, tích cực mà em biết. Em học tập được điều gì từ tấm gương đó?

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này ở nhà và nộp bài vào buổi học tuần sau. Nội dung bài viết nên tập trung vào các ý sau:

+ Tên, địa chỉ của tấm gương;

+ Những biểu hiện tích cực, tự giác trong học tập của bạn;

+ Kết quả trong học tập và rèn luyện của bạn nhờ việc học tập tự giác, tích cực;

+ Những điều em học tập được ở bạn.

– Ở tiết học sau, GV có thể lựa chọn một vài bài viết ấn tượng và đọc lại cho cả lớp cùng nghe. HS nhận xét, góp ý. GV nhận xét và chốt lại vấn đề.

2. Em hãy xác định một biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập của bản thân. Lập kế hoạch để khắc phục điểm chưa tự giác, tích cực đó theo gợi ý dưới đây:

Biểu hiện chưa tự giác	**Biện pháp rèn luyện**	**Thời gian thực hiện**	**Kết quả**

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 4. GIỮ CHỮ TÍN

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Trình bày được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.

– Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, luôn giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.

Về phẩm chất

Có phẩm chất trung thực, thể hiện qua việc biết giữ chữ tín; phê phán những người không biết giữ chữ tín.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Tranh ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, những ví dụ thực tế,... gắn với bài "Giữ chữ tín";

– Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Tạo tâm thế tích cực cho HS; huy động những kinh nghiệm thực tế của HS về giữ chữ tín.

b) Tổ chức thực hiện:

GV hướng dẫn HS chia sẻ trải nghiệm: Trong cuộc sống, có khi nào em cam kết hoặc người khác cam kết với em một điều gì đó mà không thực hiện chưa? Lúc đó, em cảm thấy thế nào?

HS chia sẻ trước lớp. GV nhận xét, kết luận: Việc giữ lời hứa là để giữ niềm tin đối với mọi người. Đó chính là một biểu hiện của giữ chữ tín – một phẩm chất quan trọng của con người, giúp mọi người tin tưởng, thương yêu, gắn bó với nhau hơn.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm chữ tín và giữ chữ tín

***a) Mục tiêu*:** HS nêu được khái niệm chữ tín và giữ chữ tín.

b) Tổ chức thực hiện:

– HS đọc truyện "Cậu bé đánh giày" trong SGK, thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi:

+ Việc cậu bé cố gắng tìm cách trả lại tiền cho vị đạo diễn đã thể hiện điều gì?

+ Theo em, thế nào là chữ tín?

– HS trả lời, GV nhận xét, kết luận:

+ Chữ tín là niềm tin của con người đối với nhau.

+ Giữ chữ tín là coi trọng, giữ gìn niềm tin của mọi người đối với mình.

Hoạt động 2: Tìm hiểu những biểu hiện của giữ chữ tín

a) Mục tiêu: HS trình bày được các biểu hiện của giữ chữ tín.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK, thảo luận nhóm để nêu biểu hiện của giữ chữ tín và không giữ chữ tín.

– HS thảo luận nhóm. Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Biểu hiện của người biết giữ chữ tín là: 1/ Giữ lời hứa; 2/ Đúng hẹn; 3/ Thực hiện tốt chức trách, nhiệm vụ của bản thân; 4/ Trung thực, thống nhất giữa lời nói và việc làm.

+ Trái với hành vi giữ chữ tín là hành vi thất tín: 1/ Thất hứa; 2/ Sai hẹn; 3/ Thiếu tinh thần trách nhiệm trong công việc; 4/ Thiếu trung thực, "nói một đằng làm một nẻo".

Hoạt động 3: Tìm hiểu ý nghĩa của việc giữ chữ tín

***a) Mục tiêu*:** HS giải thích được vì sao phải giữ chữ tín.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một trường hợp trong SGK (một trường hợp biết giữ chữ tín, một trường hợp không biết giữ chữ tín), trả lời câu hỏi:

+ Việc giữ chữ tín đã đem lại lợi ích gì cho công ty ở Nhật Bản?

+ Hãy nêu hậu quả của việc không giữ chữ tín.

+ Vì sao chúng ta cần giữ chữ tín?

– HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Việc giữ chữ tín khiến cho công ty ở Nhật Bản chịu thiệt thòi trước mắt nhưng nhận được lợi ích lâu dài.

+ Việc một số bạn HS không biết giữ chữ tín làm mất niềm tin của thầy cô, bạn bè, gây ảnh hưởng xấu đến các mối quan hệ.

+ Chúng ta cần giữ chữ tín vì nếu biết giữ chữ tín ta sẽ được mọi người tin tưởng, tôn trọng, hợp tác, dễ thành công hơn trong công việc và cuộc sống. Ngược lại, sẽ bị mọi người xem thường, lời nói không có giá trị.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức vừa khám phá, GV tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK.

Gợi ý: HS có thể vẽ sơ đồ tư duy để tổng kết kiến thức ở hoạt động Khám phá.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Giúp HS củng cố tri thức, rèn kĩ năng nhận thức về giữ chữ tín.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Chơi trò chơi "Ai nhanh hơn?": Tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về giữ chữ tín*

Cách chơi: Từ 5 – 7 HS tham gia. HS đứng thành vòng tròn, tới lượt ai thì người đó sẽ phải đọc nhanh một câu ca dao, tục ngữ về giữ chữ tín, không trùng với câu của người khác đã đọc, cho đến khi chỉ còn một người duy nhất.

– Sau khi chơi, GV nêu câu hỏi: Những câu ca dao, tục ngữ đó nói về điều gì?

– HS làm việc cá nhân, suy nghĩ và trả lời câu hỏi.

– GV nhận xét, đánh giá, kết luận: Những câu ca dao, tục ngữ mà các em vừa nêu là lời răn dạy của cha ông ta dành cho các thế hệ sau phải biết giữ chữ tín.

2. *Bày tỏ ý kiến*

– HS thảo luận nhóm đôi, lựa chọn ý kiến đồng tình/không đồng tình và giải thích vì sao. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận:

a) Không đồng tình vì giữ niềm tin đối với những người có hành động xấu không phải là giữ chữ tín như ý nghĩa của bài học này. Ví dụ: Giữ lời hứa hành động xấu cùng với kẻ xấu.

b) Đồng tình vì làm tốt công việc như đã cam kết khiến người khác tin tưởng mình. Đó chính là một biểu hiện quan trọng của giữ chữ tín.

c) Không đồng tình vì không cần giữ chữ tín một cách máy móc, mù quáng.

d) Không đồng tình, ai cũng cần phải giữ chữ tín.

e) Đồng tình vì người thất tín có thể được lợi trước mắt nhưng sẽ làm mất niềm tin của mọi người, dần dần sẽ mất bạn bè, đối tác, mất đi lợi ích lâu dài.

3. *Nhận xét hành vi*

– HS thảo luận nhóm 4 hoặc 6, nhận xét hành vi đúng/sai và giải thích vì sao. Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung, đánh giá.

– GV nhận xét, kết luận:

a) H vẫn giữ chữ tín vì mặc dù không thực hiện được lời hứa nhưng có lí do chính đáng và đã xin lỗi bạn, hẹn bạn lần khác.

b) V biết giữ lời hứa. Dù bận rộn nhưng V vẫn sắp xếp thời gian để giúp bạn như đã hứa.

c) Việc làm của T thể hiện không giữ chữ tín vì đã hẹn trả truyện cho bạn mà không trả.

d) Việc làm của bà X thể hiện bà là người biết giữ chữ tín trong kinh doanh. Điều này góp phần bảo vệ sức khoẻ người tiêu dùng đồng thời nâng cao uy tín của cửa hàng, giúp bà bán được nhiều hàng hơn.

4. *Đưa ra lời khuyên*

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm chọn một tình huống, xây dựng kịch bản, đóng vai để đưa ra lời khuyên.

– Các HS khác quan sát, nhận xét cách xử lí tình huống của từng nhóm, đề xuất cách xử lí khác (nếu có).

– GV nhận xét, khen ngợi cách xử lí đúng.

Gợi ý:

+ Tình huống 1: 1/ Nếu sau đó có thể bảo quản được thì đợi hôm sau khách đến lấy; 2/ Nếu sau đó không thể bảo quản thì bán cho người khác, hôm sau trả lại số tiền ấy cho khách;... Tuỳ tình hình cụ thể mà cách xử lí tình huống khác nhau.

+ Tình huống 2: Không phải là bố mẹ M không giữ chữ tín mà do nguyên nhân khách quan nên chưa thực hiện được lời hứa. M cần nói với bố mẹ rằng khi nào có tiền hãy mua đàn cho mình. Đồng thời M nên làm thêm việc nhà phụ giúp bố mẹ, cố gắng học giỏi hơn nữa để bố mẹ vui lòng, có động lực vượt qua khó khăn để giữ lời hứa với M.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS biết vận dụng những điều đã học để giữ chữ tín trong thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Viết một đoạn văn bày tỏ suy nghĩ của em về lời khuyên "Hãy tiết kiệm lời hứa".

HS làm việc cá nhân, giờ học tiếp theo sẽ trình bày trước lớp.

2. Cùng các bạn trong nhóm xây dựng và biểu diễn một tiểu phẩm về chủ đề "Giữ chữ tín trong HS".

– GV chia nhóm, gợi ý nội dung tiểu phẩm: Giữ lời hứa; Trung thực trong thi cử; Thực hiện những điều đã cam kết với nhà trường;...

– HS làm việc nhóm, xây dựng kịch bản, tập và biểu diễn tiểu phẩm trước lớp.

– Các HS khác quan sát, nhận xét.

– GV nhận xét, đánh giá.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

BÀI 5. BẢO TỒN DI SẢN VĂN HOÁ

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

– Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

– Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hoá.

– Nêu được trách nhiệm của HS trong việc bản tồn di sản văn hoá.

– Nêu được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

Về năng lực

Ngoài những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hoá.

Về phẩm chất

Có phẩm chất yêu nước, trách nhiệm, thể hiện qua việc biết bảo tồn di sản văn hoá; phê phán, đấu tranh với những hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hoá.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Tranh ảnh, truyện, thơ, ca dao, tục ngữ, thành ngữ, trò chơi, những ví dụ thực tế,... gắn với chủ đề bảo tồn di sản văn hoá;

– Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khơi gợi, dẫn dắt, tạo hứng thú cho HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

GV chọn một trong ba cách sau:

– *Cách 1:* GV có thể sử dụng nội dung phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học mới thông qua việc giúp các em nhận biết được ý nghĩa của việc cần phải bảo vệ và giữ gìn di sản văn hoá.

– *Cách 2:* Tổ chức trò chơi "Tiếp sức" kể tên những làn điệu mang đậm bản sắc văn hoá của Việt Nam như: quan họ, chèo, lí, ví, giặm, hát ru,... và hát một đoạn trong những làn điệu đó.

+ GV chia lớp thành hai đội, lần lượt các đội kể tên các làn điệu và hát một đoạn trong đó. Đáp án của các đội không được trùng lặp nhau. Đội nào kể và hát đúng nhiều hơn sẽ thắng cuộc.

+ GV nhận xét đáp án của các đội và đặt câu hỏi: Theo em, trong những làn điệu vừa kể, làn điệu nào là di sản văn hoá của Việt Nam?

+ Một vài HS trả lời, các HS khác nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

+ GV nhận xét câu trả lời và kết luận: Những làn điệu đó là di sản văn hoá của Việt Nam, đại diện cho các vùng miền gắn với các phong tục, tập quán, tín ngưỡng, lễ hội. Thông qua những làn điệu là lời khuyên nhủ của cha ông về những điều hay lẽ phải, về thuần phong mĩ tục, về đạo lí, tôn sư trọng đạo, lệ làng phép nước, về anh hùng nghĩa khí,... Bảo tồn và phát triển các di sản đó góp phần làm phong phú bản sắc văn hoá của dân tộc Việt Nam.

– *Cách 3:* GV có thể gợi ý HS kể về một số di sản văn hoá có ở địa phương các em và những việc các em đã làm để bảo tồn các di sản đó. GV mời 1 – 2 HS trình bày, sau đó nhận xét và dẫn dắt vào bài học mới.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm di sản văn hoá và một số loại di sản văn hoá của Việt Nam

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm di sản văn hoá và kể được một số loại di sản văn hoá của Việt Nam.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu thông tin kết hợp với quan sát các hình ảnh trong SGK để thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi: 1/ Đâu là di sản văn hoá? Đâu không phải là di sản văn hoá? Hãy chỉ ra đâu là di sản văn hoá vật thể, đâu là di sản văn hoá phi vật thể. 2/ Theo em, di sản văn hoá là gì?

+ GV có thể phát phiếu học tập và hướng dẫn các nhóm hoàn thành phiếu như sau:

PHIẾU HỌC TẬP				
STT/Địa điểm	Di sản văn hoá	Không phải di sản văn hoá	Di sản văn hoá vật thể	Di sản văn hoá phi vật thể
1. Hồ Gươm, Hà Nội				
2. Cầu Cần Thơ, thành phố Cần Thơ				
3. Nhã nhạc cung đình Huế, thành phố Huế				
4. Tháp Chăm, Khánh Hoà				
5. Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh				
6. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên				

+ Sau khi HS hoàn thành phiếu học tập, GV yêu cầu HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về những di sản văn hoá nổi tiếng trên, đặc biệt về sự tích, ý nghĩa, sự ghi nhận của Tổ chức UNESCO.

+ GV gợi ý: ảnh 2 (Cầu Cần Thơ, thành phố Cần Thơ) không phải là di sản văn hoá. Di sản văn hoá vật thể: ảnh 1 (Hồ Gươm, Hà Nội), ảnh 4 (Tháp Chăm, Khánh Hoà) và ảnh 5 (Vịnh Hạ Long, Quảng Ninh); Di sản văn hoá phi vật thể: ảnh 3 (Nhã nhạc cung đình Huế) và ảnh 6 (Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên).

– Thông qua việc nhận diện và phân loại các di sản văn hoá nêu trên, GV mời HS chia sẻ những hiểu biết của bản thân về khái niệm di sản văn hoá cũng như thế nào là di sản văn hoá vật thể, di sản văn hoá phi vật thể.

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và kết luận:

+ Di sản văn hoá là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

+ Di sản văn hoá phi vật thể là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hoá liên quan, có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức khác.

+ Di sản văn hoá vật thể là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, bao gồm di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia,…

– GV tiếp tục cho HS liên hệ kể về những di sản văn hoá khác ở Việt Nam mà các em biết.

Hoạt động 2: Tìm hiểu ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội

a) Mục tiêu: HS giải thích được ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– Các nhóm học tập thảo luận về hai thông tin trong SGK để trả lời các câu hỏi:

+ Di sản văn hoá phố cổ Hội An có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Đà Nẵng và cả nước?

+ Lễ Tịch điền có ý nghĩa như thế nào đối với người dân Ninh Bình và cả nước?

– GV hướng dẫn các nhóm nghiên cứu từng thông tin, mời một vài đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. GV cùng HS tổng hợp ý kiến và kết luận:

+ Thông tin 1: Đối với Đà Nẵng, phố cổ Hội An là nơi lưu giữ nền văn hoá phi vật thể đa dạng và phong phú. Quần thể di tích kiến trúc khu phố cổ Hội An được xem như một "bảo tàng sống" về kiến trúc, về lối sống đô thị. Từng công trình kiến trúc cổ đều in đậm nếp sống, lối sống văn hoá đặc trưng của con người Hội An. Do vậy, phố cổ Hội An không chỉ là bản thân vẻ đẹp của kiến trúc cổ, mà cái chính là "nếp nhà" với những câu chuyện về lối sống, nếp sinh hoạt, việc làm ăn, cách ứng xử của người Hội An gắn với những phong tục tập quán, sinh hoạt tín ngưỡng, nghệ thuật dân gian, lễ hội văn hoá vẫn đang được bảo tồn và phát triển. Việc bảo tồn và phát huy phố cổ Hội An mang lại thu nhập cho người dân, ngành Du lịch Đà Nẵng, đóng góp vào nguồn thu ngân sách của tỉnh.

Đối với nước ta, phố cổ Hội An chính là niềm tự hào, lòng tự tôn dân tộc về lịch sử hình thành, phát triển của đất nước.

+ Thông tin 2: Lễ Tịch điền mang ý nghĩa khuyến nông sâu sắc, đề cao vai trò của sản xuất nông nghiệp, gắn với tên tuổi vua Lê Đại Hành là người khởi xướng. Trải qua hơn 1 000 năm, lễ hội này ngày nay được tái hiện và duy trì đều đặn ở chân núi Đọi Sơn, tỉnh Ninh Bình với những đường cày mở ra mùa vụ mới trong tiếng trống khai hội xuống đồng rộn ràng ngày đầu xuân. Điều đó cho thấy, dù ở thời đại nào, nông nghiệp vẫn luôn là lĩnh vực được đặc biệt coi trọng. Lễ hội cũng mang ý nghĩa mong ước về một vụ mùa bội thu, đời sống nông dân Ninh Bình được đủ đầy, sung túc.

Đối với dân tộc Việt Nam, Lễ Tịch điền mang một thông điệp khuyến khích người dân chăm chỉ làm ăn. Trải qua hàng ngàn năm lịch sử, lễ hội Tịch điền đã thực sự trở thành một nét sinh hoạt văn hoá tâm linh quan trọng, là di sản văn hoá của dân tộc. Tư tưởng gần dân, coi trọng những người nông dân "chân lấm, tay bùn", coi trọng sản xuất nông nghiệp có ý nghĩa to lớn đối với một quốc gia có nền văn minh lúa nước hàng ngàn năm như Việt Nam.

Lịch sử Việt Nam cũng đã chứng minh, nông nghiệp, nông dân luôn có vị trí quan trọng trong quá trình bảo vệ, dựng xây và phát triển đất nước ta. Thời binh đao khói lửa, nông dân, nông nghiệp là hậu phương lớn cho tiền tuyến thắng giặc ngoại xâm. Thời bình, nông nghiệp được chăm lo phát triển, là trụ đỡ vững chắc của nền kinh tế nước nhà, giúp quốc gia giữ vững vị thế là một trong các nước xuất khẩu gạo lớn thế giới.

– GV tiếp tục cho HS thảo luận: Em hãy nêu ý nghĩa của di sản văn hoá đối với con người và xã hội.

– GV mời một vài HS chia sẻ suy nghĩ và kết luận: Di sản văn hoá là tài sản dân tộc, thể hiện truyền thống, công sức, kinh nghiệm sống của dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Bảo vệ di sản văn hoá góp phần xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc góp phần làm phong phú kho tàng di sản văn hoá thế giới.

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hoá

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hoá.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn HS tìm hiểu Điều 5 Luật Di sản văn hoá năm 2024 và trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi: 1/ Chính quyền và nhân dân xã V đã thực hiện các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo vệ di sản văn hoá như thế nào? 2/ Hãy nêu quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, cá nhân trong việc bảo tồn di sản văn hoá.

– GV mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi. Các HS khác lắng nghe, nhận xét và bổ sung (nếu cần). Sau đó, GV phân tích và kết luận:

+ Chính quyền và nhân dân xã V đã có những việc làm đúng theo quy định của pháp luật để bảo vệ di sản văn hoá như: chính quyền địa phương rất chăm lo việc bảo tồn di tích, ngăn chặn và xử lí nghiêm những hành vi phá hoại ảnh hưởng đến di tích;

bà con trong xã thường nhắc nhở nhau giữ gìn vệ sinh, tôn tạo di tích luôn khang trang, sạch đẹp.

+ Tổ chức, cá nhân có quyền và nghĩa vụ sau:

• Sở hữu hợp pháp di sản văn hoá;

• Tham quan, nghiên cứu di sản văn hoá;

• Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;

• Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;

• Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lí kịp thời những hành vi phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá.

Để bảo tồn các di sản văn hoá, Nhà nước nghiêm cấm các hành vi xâm phạm tới di sản văn hoá như: chiếm đoạt, làm sai lệch di sản văn hoá; huỷ hoại hoặc gây nguy cơ huỷ hoại di sản văn hoá; đào bới trái phép địa điểm khảo cổ; xây dựng trái phép; lấn chiếm đất đai thuộc di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh; mua bán, trao đổi và vận chuyển trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia thuộc di tích lịch sử – văn hoá, danh lam thắng cảnh; đưa trái phép di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia ra nước ngoài; lợi dụng việc bảo tồn và phát huy di sản văn hoá để trục lợi, hoạt động mê tín dị đoan và thực hiện những hành vi khác trái pháp luật.

Hoạt động 4. Tìm hiểu trách nhiệm của HS trong việc bảo tồn di sản văn hoá

a) Mục tiêu: HS nêu được một số việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá phù hợp với lứa tuổi.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV hướng dẫn các nhóm học tập đọc thông tin, quan sát các bức tranh trong SGK và nêu những việc làm góp phần bảo tồn di sản văn hoá:

+ Thông tin: Giới thiệu làn điệu dân ca quê hương (điệu ví, giặm) với mọi người.

+ Tranh 1: Tìm hiểu về di sản văn hoá.

+ Tranh 2: Tố cáo với công an về hành vi phá huỷ di sản văn hoá.

+ Tranh 3: Tuyên truyền, giới thiệu về di sản văn hoá.

+ Tranh 4: Bảo vệ môi trường ở khu di tích (quét dọn vệ sinh).

– GV tổ chức trò chơi "Tiếp sức" kể về những việc HS cần làm để góp phần vào việc bảo tồn và phát triển di sản văn hoá ở Việt Nam. Sau khi chơi, GV phân tích, lấy ví dụ minh hoạ cho mỗi việc làm đúng góp phần bảo tồn và phát triển di sản văn hoá. Sau đó GV kết luận: Là HS, để bảo tồn những di tích lịch sử, di sản văn hoá và danh lam thắng cảnh, các em cần làm những việc sau:

+ Tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hoá;

+ Viết bài tuyên truyền, giới thiệu về các di tích lịch sử, di sản văn hoá;

+ Bảo vệ môi trường, không vứt rác bừa bãi, giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hoá;

+ Đấu tranh, tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật, di vật và các hành vi làm tổn hại đến di sản văn hoá;

+ Tham gia các lễ hội truyền thống;

+ Tích cực học ngoại ngữ để giới thiệu di sản văn hoá của địa phương, đất nước mình với du khách là người nước ngoài.

+ ...

– GV cho HS chia sẻ về những việc các em đã và sẽ làm để bảo tồn di sản văn hoá ở địa phương mình. Đặc biệt, GV cần nhấn mạnh ý nghĩa của việc bảo tồn các di sản văn hoá của đất nước, của dân tộc, bởi đây là biểu hiện rõ nét của lòng yêu quê hương, đất nước. Yêu quê hương mình cũng chính là yêu những nét đẹp truyền thống, yêu câu hát dân ca, lễ hội của làng quê hay một ngôi chùa, một đình làng xưa cũ, nơi mang trong mình những hơi thở của đời sống bao thế hệ cha ông. Việc bảo tồn di sản văn hoá còn là bảo vệ nền tảng tinh thần của dân tộc. Mà nền tảng tinh thần là linh hồn của dân tộc, là bản sắc văn hoá. Nếu mất đi bản sắc đó tức là mất đi gốc rễ truyền thống, mất đi chỗ dựa tinh thần vững chắc trước một thời đại toàn cầu hoá. Nếu chúng ta làm tổn thất về di sản văn hoá chính là làm nghèo đất nước bởi di sản văn hoá giúp cho đất nước ta có thêm nguồn thu từ du lịch, di sản văn hoá cũng tạo nên sự hấp dẫn cho mọi vùng đất. Di sản văn hoá còn là sự kết nối các thế hệ con người Việt Nam. Sự kết nối giữa quá khứ với hiện tại và tương lai là điều quan trọng để đất nước luôn phát triển bền vững.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học về khái niệm di sản văn hoá, di sản văn hoá vật thể, di sản văn hoá phi vật thể; kể được một số di sản văn hoá ở Việt Nam, ý nghĩa của việc bảo tồn di sản văn hoá, một số quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo tồn di sản văn hoá và những việc HS nên làm để góp phần giữ gìn, bảo vệ và phát triển di sản văn hoá.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố những tri thức đã được khám phá và thực hành xử lí tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, mỗi nhóm thảo luận một ý kiến trong SGK.

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả, các nhóm khác quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có).

– Gợi ý:

+ Đồng tình với ý kiến b và d vì:

b) Phải giữ gìn và bảo tồn tất cả các di sản văn hoá vật thể và di sản văn hoá phi vật thể bởi các di sản đó đều là tài sản của quốc gia, có ý nghĩa cả về mặt tinh thần và vật chất.

d) Việc giữ gìn, bảo tồn các di sản văn hoá góp phần phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đặc biệt trong thời đại toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế.

+ Không đồng tình với ý kiến a, c và e vì:

a) Không chỉ những danh lam, thắng cảnh nổi tiếng của đất nước được UNESCO công nhận mới được gọi là di sản văn hoá mà ngoài ra còn có những di tích lịch sử, văn hoá, khoa học,... được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

c) Bảo vệ di sản văn hoá là trách nhiệm và nghĩa vụ của tất cả mọi công dân chứ không của riêng ai.

e) Không chỉ bảo vệ di tích lịch sử – văn hoá đã được Nhà nước xếp hạng mà chúng ta cần phải bảo vệ tất cả các di sản văn hoá bởi đó chính là những sản phẩm vật chất, tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá của dân tộc Việt Nam.

2. *Nhận xét hành vi*

– GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm để đưa ra nhận xét về hành động của các nhân vật ở các trường hợp trong SGK.

– GV mời đại diện các nhóm lên trình bày kết quả; Các nhóm khác quan sát, nhận xét, đặt câu hỏi (nếu có). Sau đó, GV hỏi các nhóm có đồng tình với ý kiến của nhóm bạn không; đánh giá, khen ngợi hoặc chỉnh sửa các ý kiến và kết luận:

a) H chưa biết giữ gìn, bảo tồn di sản văn hoá vì có việc làm không đúng khi tham quan các di tích lịch sử: khắc tên lên tượng đài, bức tượng, thân cây,…

b) T đã biết giữ gìn, bảo tồn di sản văn hoá vì bạn đã nhắc nhở các bạn cùng xóm không chăn thả gia súc trong khu di tích lịch sử.

c) M đã biết phát triển, bảo tồn di sản văn hoá vì bạn đã rủ các bạn tới nhà bác K học hát chèo – một di sản văn hoá phi vật thể.

d) N đã có việc làm đúng với trách nhiệm của người HS trong việc giữ gìn, bảo tồn, phát triển di sản văn hoá Việt Nam. Bạn đã tích cực học ngoại ngữ để có thể giới thiệu về di sản đó tới du khách nước ngoài.

– GV khuyên HS nên học tập bạn T, bạn M và bạn N; không nên làm theo bạn H để góp phần giữ gìn, bảo tồn di sản văn hoá của Việt Nam.

3. *Xử lí tình huống*

– GV chia lớp thành các nhóm, mỗi nhóm sắm vai xử lí một tình huống.

– HS đọc tình huống, nghĩ lời thoại, phân vai, thể hiện cách xử lí tình huống.

– Các HS khác quan sát, nhận xét cách xử lí tình huống của từng nhóm, đề xuất cách xử lí khác (nếu có).

– GV nhận xét, khen ngợi các nhóm có cách xử lí đúng.

Gợi ý:

+ Tình huống 1: Khuyên bạn H cùng mình đi báo công an hoặc có thể báo người lớn trong thôn xóm biết để ngăn chặn, xử lí việc làm sai trái của mấy thanh niên lấy trộm cổ vật trong ngôi chùa, vì việc làm của các thanh niên trong tình huống này là vi phạm Luật Di sản văn hoá.

+ Tình huống 2: Khuyên các bạn chấm dứt những việc làm không đúng khi tham quan ngôi chùa. Việc tự động gõ chuông và sờ tay lên các bức tượng Phật thể hiện sự thiếu nghiêm túc ở nơi linh thiêng.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức của bài học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. Em hãy cùng các bạn trong nhóm tìm hiểu, sưu tầm tranh ảnh, tư liệu về các di sản văn hoá của địa phương,... sau đó thiết kế thành một tờ báo tường và thuyết trình về ý nghĩa của các di sản văn hoá đó.

– GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động này theo nhóm.

– Ở tiết học sau, tổ chức trưng bày báo tường ở lớp học. GV mời đại diện các nhóm thuyết trình về ý nghĩa của các di sản văn hoá đó. Các HS khác nhận xét, góp ý. GV nhận xét và chốt lại vấn đề.

2. Em hãy lập và thực hiện kế hoạch bảo vệ một di sản ở địa phương em theo bảng gợi ý sau:

Tên di sản	Biện pháp bảo vệ	Thời gian thực hiện	Kết quả

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 6. ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÍ CĂNG THẲNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng.
– Kể được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.
– Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng.
– Nêu được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.

Về năng lực

Cùng những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hành được cách ứng phó tích cực khi căng thẳng.

Về phẩm chất

Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc điều chỉnh tâm lí của bản thân để có đời sống tinh thần vui vẻ, thoải mái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;
– Câu chuyện, tấm gương, những ví dụ thực tế gắn với nội dung bài học;
– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khơi gợi, dẫn dắt HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện

GV có thể sử dụng nội dung phần "Mở đầu" trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học mới, chú ý khai thác trải nghiệm một lần bị căng thẳng và cách ứng phó của HS khi đó.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Các tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng

a) Mục tiêu: HS nêu được các tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời các câu hỏi trong SGK.
– GV hướng dẫn HS trao đổi, thảo luận với bạn bên cạnh về các câu trả lời và ghi kết

quả trao đổi thống nhất của nhóm (mỗi nhóm nghiên cứu và báo cáo về một tình huống gây căng thẳng).

– HS có thể so sánh trải nghiệm của bản thân và của bạn để có thêm thông tin về các tình huống gây căng thẳng, hiểu và nêu được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả các câu trả lời. Những HS còn lại lắng nghe, góp ý, bổ sung.

– GV cùng HS nhận xét, sau đó kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Các tình huống gây căng thẳng:

• Tranh 1: Bạn bị nói xấu, tẩy chay nên cảm thấy buồn phiền, lo lắng.

• Tranh 2: Bạn bị mệt mỏi do quá nhiều bài tập, kiến thức cần ôn tập.

• Tranh 3: Bạn bị điểm kém và lo lắng, căng thẳng vì sợ bố mắng.

• Tranh 4: Bạn cảm thấy sợ hãi khi bố mẹ cãi nhau.

+ Những tình huống khác có thể gây căng thẳng cho HS: tình huống đến từ bên ngoài như thay đổi chỗ ở, tài chính gia đình, kì vọng của gia đình, áp lực học tập, các mối quan hệ bạn bè như bị tẩy chay, bị bắt nạt,… hoặc các tình huống đến từ bên trong như sự thay đổi cơ thể, sức khoẻ có vấn đề, tâm lí tự ti, suy nghĩ tiêu cực, nhận thức chưa đúng về bản thân,…

+ Biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng trong các bức tranh:

• Tranh 1: Đau đầu

• Tranh 2: Đổ mồ hôi tay

• Tranh 3: Khóc, buồn bã

• Tranh 4: Đau bụng

• Tranh 5: Tức giận, la hét

• Tranh 6: Không muốn ăn, uống

• Tranh 7: Thu mình, tự cô lập bản thân

+ Sắp xếp các biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng vào một trong bốn nhóm:

Thể chất	Tinh thần	Hành vi	Cảm xúc
Đau đầu Đau bụng Đau vai Đau lưng Đau mắt, mỏi mắt, khô mắt Tức ngực Khó thở Đổ mồ hôi Mất ngủ Cơ thể mỏi mệt Ngủ nhiều hơn bình thường Rối loạn ăn uống: chán ăn hoặc ăn rất nhiều	Mệt mỏi Căng thẳng Thu mình	Dễ nổi nóng Gây gổ Bạo lực Đập phá đồ đạc Cô lập bản thân Dễ khóc	Lo lắng Sợ hãi Buồn bã Nghi ngờ Tức giận

Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng

a) Mục tiêu: HS nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng đến các bạn HS trong từng trường hợp:

Trường hợp	Nguyên nhân gây ra căng thẳng	Ảnh hưởng của căng thẳng
1/ Bạn T	Thời gian học tập kéo dài, áp lực học tập, thi cử, nhiều kiến thức cần ôn tập.	Đau đầu, chán ăn, mất ngủ, kết quả học tập giảm sút.
2/ Bạn A	Người lạ mặt quấy rối qua tin nhắn.	Mất ngủ, mơ thấy ác mộng, giật mình, sợ hãi khi đến trường.
3/ Bạn N	Bị bạn học doạ nạt, đánh.	Sợ hãi, không dám đến trường.
4/ Bạn M	Áp lực học tập, thay đổi thể chất tuổi dậy thì, kì vọng của bố mẹ	Thu mình, không muốn tiếp xúc với ai, cáu gắt, tranh cãi với bố mẹ, quát em vô cớ.

+ Những nguyên nhân gây ra tâm lí căng thẳng cho HS:

• Nguyên nhân đến từ bên ngoài như: hoàn cảnh sống, hoàn cảnh gia đình, áp lực học tập, các mối quan hệ bạn bè, kì vọng của gia đình,…

• Nguyên nhân từ bản thân HS như: tâm lí tự ti, suy nghĩ tiêu cực, lo lắng thái quá, các vấn đề về sức khoẻ, ngoại hình cơ thể, so sánh bản thân với người khác,…

+ Những ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng đến cuộc sống và việc học tập của HS: ảnh hưởng tiêu cực đến cuộc sống hằng ngày và sự phát triển cơ thể của HS. Một số ảnh hưởng thường thấy như: kết quả học tập giảm sút, mất tập trung, đau nhức cơ thể, suy giảm trí nhớ, cáu gắt, bạo lực,…

Hoạt động 3: Tìm hiểu cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng

a) Mục tiêu: HS nêu được cách ứng phó tích cực khi bị căng thẳng.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một tình huống trong SGK và trả lời câu hỏi.

– Đại diện các nhóm chia sẻ kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý trả lời:

+ Cách ứng phó với tình huống căng thẳng của các bạn Hải, Mai, Tuấn, Hà và tác dụng của cách ứng phó đó:

Tình huống	Cách ứng phó	Tác dụng
1/ Bạn Hải	Dành thời gian hít thở. Tự động viên bản thân.	Bài thuyết trình đạt kết quả tốt.
2/ Bạn Mai	Tập thể dục, vận động cơ thể.	Can đảm nhận lỗi với bố mẹ và hứa sẽ không lặp lại.
3/ Bạn Tuấn	Suy nghĩ tích cực. Lên kế hoạch và hành động cụ thể.	Tự tin hơn. Nói thật với bố mẹ về kết quả thi. Lên kế hoạch học tập cho học kì mới, quyết tâm đạt kết quả tốt hơn.
4/ Bạn Hà	Nhờ mẹ giúp đỡ	Nhờ sự giúp đỡ của mẹ, bạn cảm thấy an toàn khi ở trên lớp, ổn định tâm lí trở lại.

+ Những cách khác để ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng: nghe nhạc thư giãn, tiếp xúc với thiên nhiên, tham gia các hoạt động cộng đồng, trò chuyện, chia sẻ với bạn bè, anh chị em, người thân, tìm kiếm và phát triển sở thích như: đọc sách, vẽ tranh, chơi nhạc cụ, tập thể thao,...

– Cuối hoạt động Khám phá, GV cùng HS chốt lại các nội dung: các tình huống gây căng thẳng, một số biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng, nguyên nhân và tác động của tâm lí căng thẳng, cách ứng phó.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã khám phá và thực hành một số tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Trò chơi tiếp sức:*

– GV chia HS thành hai nhóm để chơi trò chơi "Tiếp sức".

– Thành viên các nhóm lần lượt nêu lên một tình huống gây căng thẳng cho HS trong cuộc sống.

– Nhóm nào kể được nhiều tình huống hơn sẽ thắng cuộc.

Một số tình huống gợi ý:

+ Tình huống nảy sinh từ mối quan hệ bạn bè, trường lớp: nói xấu, tẩy chay, bắt nạt, bạo lực học đường,...

+ Tình huống liên quan đến việc học tập: bài tập về nhà nhiều, các kì thi, thuyết trình trước đông người,...

+ Tình huống từ gia đình: cha mẹ cãi vã, li hôn, tài chính gia đình sa sút, chuyển nhà, mất người thân,...

+ Tình huống từ bên trong HS như: sức khoẻ kém, thay đổi cơ thể trong độ tuổi dậy thì, ngoại hình, so sánh bản thân với người khác, tâm lí tự ti, suy nghĩ tiêu cực,...

2. *Suy nghĩ tích cực*

– GV cho HS làm việc cá nhân, kẻ bảng trong vở/phiếu học tập để chuyển những suy nghĩ, lời nói tiêu cực thành những suy nghĩ, lời nói tích cực.

– GV mời một số HS báo cáo kết quả làm việc của mình, các bạn khác nhận xét, bổ sung.

Gợi ý trả lời:

Lời nói, suy nghĩ tiêu cực	Lời nói, suy nghĩ tích cực
Mình không thể chấp nhận được lỗi lầm đó.	Ai cũng có lúc mắc sai lầm. Quan trọng mình học được bài học gì và sẽ không lặp lại sai lầm đó nữa.
Chẳng ai quan tâm đến mình.	Vẫn còn có bố mẹ/ông bà/thầy cô/bạn bè/chính mình vẫn quan tâm, thương yêu mình mà.
Bạn bè không thích chơi với mình.	– Tại sao bạn bè lại ít chơi với mình? – Mình nên làm thế nào để có nhiều bạn hơn? – Sẽ có người thích chơi với mình.
Mình làm gì cũng thất bại.	– Lần sau mình sẽ làm tốt hơn. – Mình học được gì từ thất bại này?
Mình học thế này thì sẽ thi trượt mất.	– Mình học bài chăm chỉ hơn thì sẽ thi được thôi. – Mình cần chuẩn bị kĩ hơn cho kì thi. – Mình có thể nhờ bạn bè/thầy cô/bố mẹ chỉ bảo thêm giúp.

3. *Tập thở:*

– GV ổn định lớp, giữ trật tự và cho cả lớp cùng làm. Mỗi HS sẽ ghi lại cảm xúc, cảm nhận của cơ thể trước và sau khi thực hành thở như hướng dẫn trong SGK.

– GV hướng dẫn HS thực hiện trong khoảng 3 – 5 phút.

– Sau bài tập thở, GV mời một số HS chia sẻ trải nghiệm của bản thân.

4. *Phân tích trường hợp*

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm thảo luận về một tình huống trong SGK.

– GV hướng dẫn HS xem lại các cách ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng để vận dụng xử lí các tình huống.

– Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận của nhóm mình, các nhóm khác lắng nghe và bổ sung nếu có.

Gợi ý:

Nội dung	Đối với N	Đối với M
Biểu hiện căng thẳng	Lo âu, đau đầu, mất ngủ	Buồn, lo sợ, bất an
Nguyên nhân căng thẳng	Quá nhiều bài tập mà không có đủ thời gian để hoàn thành	Bố mẹ thường cãi vã, bất hoà
Hậu quả của sự căng thẳng	Cơ thể bị suy nhược	Kết quả học tập sa sút
Cách ứng phó	Tập hít thở, vận động cơ thể, suy nghĩ tích cực, tăng cường dinh dưỡng, trao đổi với bố mẹ hoặc thầy cô,...	

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống của bản thân.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS viết lại những tình huống thường gây căng thẳng cho bản thân, từ đó tìm ra nguyên nhân, lập kế hoạch phòng tránh để không bị rơi vào những tình huống này và cách ứng phó tích cực nếu vẫn gặp những tình huống đó.

– GV hướng dẫn HS vận dụng những cách ứng phó tích cực trong trường hợp rơi vào tâm lí căng thẳng.

– HS có thể tham khảo và tự điền vào bảng theo hướng dẫn ở SGK.

Tình huống gây căng thẳng	Nguyên nhân	Cách phòng tránh	Cách ứng phó tích cực

2. GV hướng dẫn HS xây dựng một vở kịch ngắn về tâm lí căng thẳng và cách ứng phó tích cực với tâm lí căng thẳng.

Nội dung của vở kịch có thể đến từ tình huống thực tế trong cuộc sống mà HS đã gặp phải, hoặc HS cũng có thể tìm kiếm thông tin, ý tưởng trên mạng, trong sách báo, truyện tranh mà các em thấy phù hợp và yêu thích.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Bài 7. PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.

– Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.

– Nhận biết được cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

Về phẩm chất

Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua các hoạt động phòng, chống bạo lực học đường; phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Một số hình ảnh, video về bạo lực học đường;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khơi gợi, dẫn dắt HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

GV có thể sử dụng phần "Mở đầu" trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học, chú ý khai thác suy nghĩ và cảm nhận của HS về một hành vi bạo lực học đường mà các em đã gặp phải hoặc chứng kiến.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường

a) Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện, nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Bạo lực học đường là gì? Hãy nêu các biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, còn có những biểu hiện nào khác của bạo lực học đường?

+ Hãy nêu những nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, bạo lực học đường còn do những nguyên nhân nào khác?

+ Trong các trường hợp trên, các bạn C, H, Q, N đã phải chịu những hậu quả gì? Em hãy liệt kê những tác hại của bạo lực học đường theo gợi ý dưới đây:

Tác hại của bạo lực học đường	
Đối với HS	
Đối với gia đình	
Đối với nhà trường và xã hội	

Gợi ý:

+ Biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp: đánh nhau, nói xấu (trường hợp 1); cô lập, nói xấu, ghép ảnh chế giễu (trường hợp 2), đánh nhau (trường hợp 3).

+ Biểu hiện khác của bạo lực học đường: ngược đãi, lăng mạ, chửi bới, đe doạ, khủng bố, lan truyền những thông tin sai sự thật về người khác,...

+ Nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp: do bố mẹ thường xuyên vắng nhà, không quan tâm dạy dỗ C (trường hợp 1); do tâm lí tiêu cực khi nảy sinh mâu thuẫn trên mạng xã hội (trường hợp 2), do đặc điểm tâm lí lứa tuổi (trường hợp 3).

+ Nguyên nhân khác dẫn đến bạo lực học đường: Do sự thiếu hiểu biết về đạo đức, pháp luật, kĩ năng sống của HS; Do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, xã hội không lành mạnh (bạo lực gia đình, tệ nạn xã hội,...); Do thiếu sự quan tâm từ gia đình, nhà trường; Do phương pháp giáo dục sai lầm của gia đình, thầy cô,...

+ Tác hại của bạo lực học đường trong các trường hợp: C bị nhà trường kỉ luật (trường hợp 1); H tự ti, ngại tiếp xúc với mọi người, có dấu hiệu trầm cảm, khủng hoảng tâm lí (trường hợp 2), Q và N bị nhà trường kỉ luật (trường hợp 3).

+ Tác hại của bạo lực học đường:

Tác hại của bạo lực học đường	
Đối với HS	– HS là nạn nhân của bạo lực học đường: bị tổn thương về thể chất (như các vết thương trên cơ thể, sức khoẻ giảm sút, có thai ngoài ý muốn, tử vong,...), tinh thần (buồn bã, hoang mang, lo lắng, sợ hãi, tự ti, trầm cảm, suy sụp, tuyệt vọng,...), vật chất (mất tiền bạc, của cải,...), bị ảnh hưởng xấu đến tương lai,... – HS là người gây ra bạo lực học đường: bị cảnh cáo, xử phạt, thiệt hại vật chất và có thể đánh mất tương lai, sự nghiệp,...

Đối với gia đình	– Ảnh hưởng xấu đến tâm lí phụ huynh, người thân trong gia đình (buồn bã, xấu hổ, mặc cảm,...). – Làm giảm uy tín, danh dự gia đình. – Gây nên những thiệt hại vật chất cho gia đình,...
Đối với nhà trường và xã hội	– Làm giảm uy tín nhà trường. – Gây rối loạn trật tự an ninh trường học và xã hội,...

– Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận.

Hoạt động 2: Tìm hiểu cách ứng phó với bạo lực học đường

a) Mục tiêu: HS biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.

b) Tổ chức thực hiện:

** Trước khi xảy ra bạo lực học đường*

– GV yêu cầu HS đọc các trường hợp trong SGK và trả lời các câu hỏi:

+ Trong những trường hợp trên, các bạn đã làm gì để phòng tránh bạo lực học đường?

+ Theo em, HS cần làm gì để phòng tránh bạo lực học đường?

Gợi ý:

+ V cẩn thận không đi đâu một mình, chia sẻ lại với mẹ sự việc bị các chị học khoá trên lườm nguýt, tỏ thái độ khó chịu để mẹ đưa đến gặp cô giáo chủ nhiệm nhờ giúp đỡ (trường hợp 1); Th nhẹ nhàng nhận sai và xin lỗi khi thấy người bạn tỏ thái độ hung hăng, gay gắt với mình (trường hợp 2).

+ HS cần phải kết bạn với những bạn tốt; trang bị cho bản thân những kiến thức, kĩ năng liên quan đến bạo lực học đường; thông báo cho GV hoặc những người lớn đáng tin cậy khi phát hiện nguy cơ bạo lực học đường; rời khỏi những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường,... HS cần tránh: kết bạn với những bạn xấu; tỏ thái độ tiêu cực với bạn bè; tụ tập ở những nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực học đường;...

– GV lấy tinh thần xung phong hoặc chỉ định một vài HS trả lời câu hỏi.

– Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

Bạo lực học đường có những dấu hiệu đặc trưng tiềm ẩn hoặc biểu hiện qua cách ứng xử hằng ngày giữa HS với nhau. Do đó mỗi HS nên chủ động trang bị cho bản thân những kiến thức, kĩ năng cần thiết để phòng ngừa bạo lực học đường. Khi nhận thấy các dấu hiệu tiềm ẩn nguy cơ bạo lực học đường, HS nên kiềm chế cảm xúc tiêu cực; rời khỏi nơi có nguy cơ xảy ra bạo lực; thông báo cho GV hoặc người lớn đáng tin cậy để được hỗ trợ;... Tuyệt đối không nên che giấu, dùng lời nói tiêu cực, tỏ thái độ thách thức,... khiến bạo lực nảy sinh và dẫn đến những hậu quả không tốt.

** Khi xảy ra bạo lực học đường*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nhận xét cách ứng phó của T và B trong các trường hợp trên.

+ Theo em, HS nên làm gì và không nên làm gì khi xảy ra bạo lực học đường?

Gợi ý:

+ T tỏ thái độ nghe lời và giao nộp điện thoại theo yêu cầu của nhóm HS xấu, sau đó lợi dụng nhóm HS sơ hở T bỏ chạy về phía một người đi đường và kêu cứu nhờ giúp đỡ (trường hợp 1); B tìm gặp cô giáo chủ nhiệm nhờ giúp đỡ (trường hợp 2).

+ Những việc HS nên làm và không nên làm khi xảy ra bạo lực học đường:

Nên làm	Không nên làm
Bình tĩnh, kiềm chế các cảm xúc tiêu cực; quan sát tìm vị trí thích hợp để chạy trốn, nhờ người giúp đỡ; tỏ thái độ hoà hoãn, giả vờ chấp thuận các yêu cầu của đối phương để trì hoãn thời gian chờ người giúp đỡ hoặc tìm thời cơ chạy trốn; chủ động kêu cứu tìm sự trợ giúp; thông báo cho bố mẹ, thầy cô, công an,... ngay lập tức để được hỗ trợ.	Tỏ thái độ tiêu cực, sử dụng ngôn ngữ tiêu cực với đối phương (thách thức, chửi bới, đe doạ,...); giấu giếm, bao che cho đối phương; kêu gọi bạn bè tham gia đánh nhau; thực hiện theo những yêu cầu sai trái của đối phương,...

– GV lần lượt mời đại diện các nhóm nêu phương án trả lời của nhóm mình. Các nhóm còn lại bổ sung, nhận xét.

– GV nhận xét và kết luận:

Khi xảy ra bạo lực học đường, nếu các em không có những cách ứng xử phù hợp thì tình trạng bạo lực có thể gia tăng và dẫn đến những hậu quả vô cùng nghiêm trọng. Do đó, các em nên bình tĩnh, kiềm chế các cảm xúc tiêu cực; quan sát tìm vị trí thích hợp để chạy trốn, nhờ người giúp đỡ; tỏ thái độ hoà hoãn, giả vờ chấp thuận các yêu cầu của đối phương để trì hoãn thời gian chờ người giúp đỡ hoặc tìm thời cơ chạy trốn; chủ động kêu cứu tìm sự trợ giúp; thông báo cho bố mẹ, thầy cô, công an,... ngay lập tức để được hỗ trợ. Không nên: tỏ thái độ tiêu cực, sử dụng ngôn ngữ tiêu cực với đối phương (thách thức, chửi bới, đe doạ,...); giấu giếm, bao che cho đối phương; kêu gọi bạn bè tham gia đánh nhau; chửi bới, đe doạ, xông vào đánh nhau với đối phương để bênh vực bạn; thực hiện theo những yêu cầu sai trái của đối phương,... để tránh những hậu quả đáng tiếc.

** Sau khi xảy ra bạo lực học đường*

– GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm, đọc các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nhận xét cách ứng phó của các bạn trong những trường hợp trên.

+ Theo em, sau khi xảy ra bạo lực học đường, HS nên làm gì và không nên làm gì? Vì sao?

Gợi ý:

+ Việc A báo cáo sự việc để tố cáo hành vi xấu của nhóm bạn là rất đúng đắn. Điều này sẽ giúp ngăn cản nhóm bạn không tiếp tục có những hành vi tương tự với A và những

bạn khác. Đồng thời hành vi đó cũng khiến nhóm bạn xấu phải chịu trách nhiệm cho những sai lầm của mình.

M không kể lại sự việc mình bị đánh với bố mẹ và thầy cô là việc không nên, điều đó có thể khiến sức khoẻ (thậm chí tính mạng) của M bị ảnh hưởng vì các vết thương không được can thiệp, chữa trị kịp thời.

K đã rất đúng đắn khi thuyết phục M nói với bố mẹ đưa tới bệnh viện chữa trị thương tích và khuyên M nên trình báo sự việc với cơ quan công an để được can thiệp, giải quyết. Việc làm của K đã giúp M hạn chế những nguy cơ xấu về sức khoẻ và đảm bảo được an toàn cho bản thân, đồng thời cũng khiến những bạn HS xấu phải chịu trách nhiệm trước pháp luật cho những hành vi sai trái của mình.

+ HS cần phải thông báo sự việc với bố mẹ, thầy cô, công an; nhờ người thân, công an, thầy cô hỗ trợ; nhờ sự trợ giúp từ các cơ sở chuyên môn như bệnh viện, phòng tư vấn tâm lí học đường;... Cần tránh: giấu giếm, bao che, tự giải quyết bằng các biện pháp tiêu cực,...

– Đại diện các nhóm trả lời, các HS khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

Sau khi xảy ra bạo lực học đường, các nạn nhân thường phải chịu những tổn thương nhất định về thể chất, tinh thần và nếu xử lí không tốt có thể dẫn đến những tác động tiêu cực trong tương lai. Các em nên thông báo lại sự việc với bố mẹ, thầy cô và những người lớn đáng tin cậy để được giúp đỡ, trường hợp cần thiết nên nhanh chóng liên hệ các cơ sở chuyên môn như bệnh viện, phòng tư vấn tâm lí học đường, cơ quan công an,... để được can thiệp hỗ trợ kịp thời. Tuyệt đối không nên: giấu giếm, bao che cho đối phương, tự tìm cách giải quyết bằng những giải pháp tiêu cực, rủ bạn bè, người thân tìm đối phương để trả thù,... để tránh những hậu quả không mong muốn.

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Ở trường hợp 2 trong nội dung cách ứng phó sau khi xảy ra bạo lực học đường (mục 2), các HS nam đánh bạn M như vậy có vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường không? Vì sao?

+ Em hãy nêu một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường.

Gợi ý:

+ Việc các bạn HS nam đánh bạn M là vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường vì những hành vi đó xâm phạm đến sức khoẻ, tính mạng của bạn M, trái với quy định của pháp luật.

+ Một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường:

• Nghiêm cấm các hành vi bạo lực học đường.

• HS được tuyên truyền, phổ biến kiến thức, trang bị các kĩ năng cần thiết để nâng cao nhận thức và trách nhiệm trong việc phòng, chống bạo lực học đường.

• HS được tư vấn, hỗ trợ tâm lí, hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khoẻ, bảo đảm an toàn khi phát hiện có nguy cơ bị bạo lực học đường hoặc bị bạo lực học đường,...

• Nếu gây ra các hành vi bạo lực học đường, HS sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật. Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, HS sẽ phải chịu các hình thức xử lí tương ứng như: kỉ luật, phạt cảnh cáo, phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ, phạt tù có thời hạn,... Ngoài ra, cha mẹ HS phải bồi thường các thiệt hại, khắc phục hậu quả của hành vi bạo lực học đường do con mình gây ra.

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong HS trả lời câu hỏi. Các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức vừa khám phá, tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể về phòng, chống bạo lực học đường.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Cho biết các ý kiến đúng hay sai. Vì sao?*

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định HS trả lời. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý:

a) Ý kiến sai. Bạo lực học đường có nhiều biểu hiện như: đánh đập, ngược đãi, chê bai, lăng mạ, chửi bới, đe doạ, khủng bố, cô lập, lan truyền những thông tin sai sự thật về người khác,...

b) Ý kiến đúng. Bạo lực học đường do nhiều nguyên nhân gây ra như: do đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi HS; do thiếu kiến thức, kĩ năng sống; do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, môi trường xã hội không lành mạnh; do sự thiếu quan tâm từ gia đình, cơ sở giáo dục,...

c) Ý kiến sai. Bạo lực học đường gây ra nhiều tác hại cả về thể chất, tâm lí, kinh tế đối với HS, gia đình, nhà trường và xã hội.

d) Ý kiến sai. Việc phòng, chống bạo lực học đường là trách nhiệm chung của Nhà nước và toàn xã hội.

2. *Nhận xét hành vi*

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi để nhận xét hành vi.

– GV nhận xét và kết luận:

Gợi ý:

a) Hành vi trêu chọc, bắt nạt G của các bạn là sai trái, là bạo lực học đường.

b) Hành vi trấn lột tiền và đe doạ S của H là sai trái, vi phạm pháp luật. Do đó, S đã làm rất đúng khi kể lại sự việc bị H trấn lột tiền với bố mẹ để được giúp đỡ, can thiệp.

c) Hành vi của Q là sai, đáng phê phán.

d) Hành vi của N là sai, đây là một lựa chọn rất tiêu cực khi bị bạo lực học đường và có thể dẫn đến nhiều hậu quả không tốt cho N.

3. *Đề xuất các biện pháp phòng, tránh bạo lực học đường*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi, sau đó chỉ định HS đưa ra câu trả lời. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý:

a) Khi nhận được tin nhắn hoặc thư đe doạ từ người khác:

+ Nên: báo cho thầy cô, người thân để được hỗ trợ; tránh đi một mình tới những nơi vắng vẻ.

+ Không nên: tỏ thái độ thách thức đối phương; rủ bạn bè đánh, đe doạ đối tượng tình nghi.

b) Khi một người bạn đang có mâu thuẫn với mình hẹn ở lại trường nói chuyện riêng sau buổi học:

+ Nên: nhẹ nhàng từ chối bạn, nếu bạn tỏ thái độ gay gắt thì nhờ GV hỗ trợ giải quyết mâu thuẫn.

+ Không nên: đồng ý gặp riêng bạn nơi vắng vẻ, rủ bạn bè đi cùng với mục đích tiêu cực (đánh nhau,...).

c) Khi một nhóm HS cùng trường yêu cầu em tới chỗ vắng với thái độ khó chịu, đe doạ:

+ Nên: dùng thái độ nhẹ nhàng từ chối hoặc kiếm cớ trì hoãn và báo cáo với GV nhờ hỗ trợ.

+ Không nên: im lặng, che giấu và đi một mình tới chỗ vắng theo yêu cầu của nhóm HS kia; rủ bạn khác cùng đi với mục đích tiêu cực;...

d) Khi vô tình nghe nhóm bạn nam cùng lớp bàn kế hoạch cuối buổi học chặn đường đánh một bạn lớp bên cạnh.

+ Nên: tìm cách báo lại với GV để được hỗ trợ kịp thời,...

+ Không nên: im lặng, che giấu, kể cho bạn khác nghe và rủ cùng đi xem đánh nhau,...

4. *Đóng vai xử lí tình huống*

– GV yêu cầu mỗi nhóm đóng vai xử lí một tình huống trong SGK.

– GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý:

a) N nhẹ nhàng giải thích với V việc tự ý xem nhật kí là xâm phạm quyền riêng tư của người khác và yêu cầu V trả lại, nếu không sẽ báo cáo với GV chủ nhiệm. Hoặc N trực tiếp đi gặp GV chủ nhiệm nhờ can thiệp.

b) Em giải thích cho Đ và T hiểu việc chặn đường S để trả thù là hành vi sai trái và có thể dẫn đến những hậu quả không tốt. Khuyên Đ nên kể lại sự việc mình bị S bắt nạt nhiều lần với bố mẹ hoặc GV chủ nhiệm để được giúp đỡ ngăn chặn hành vi đó lại.

c) Em giải thích cho D hiểu hành vi trấn lột tiền ăn sáng của các bạn là hành vi bạo lực học đường, nếu không ngăn chặn thì các bạn sẽ tiếp tục lặp lại hành vi đó với D và những bạn khác. Khuyên D nên kể lại sự việc với bố mẹ, GV chủ nhiệm để được giúp đỡ.

5. *Chia sẻ những việc em đã làm để phòng, chống bạo lực học đường*

– GV nêu yêu cầu bài tập. HS ghi lại câu trả lời của mình vào giấy, sau đó GV chỉ định một vài HS trả lời.

– Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét, kết luận.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS liên hệ thực tế về phòng, chống bạo lực học đường.

b) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS thực hiện các bài tập vận dụng ở nhà. Trước tiết học kế tiếp sẽ chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong một vài bạn trình bày sản phẩm của mình với cả lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 8. QUẢN LÍ TIỀN

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.

– Kể được một số nguyên tắc quản lí tiền có hiệu quả.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, tham gia các hoạt động kinh tế – xã hội, bước đầu biết quản lí tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

Về phẩm chất

Có phẩm chất trách nhiệm, thể hiện qua việc biết quản lí tiền hiệu quả.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Giấy A4, phiếu học tập;

– Tranh ảnh, video và các câu chuyện về quản lí tiền;

– Đồ dùng đơn giản để sắm vai;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,… (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm của bản thân HS về chủ đề bài học, tạo hứng thú và những hiểu biết ban đầu của HS về chủ đề bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV tổ chức cho HS trong lớp chơi trò chơi "Giải bài toán thu chi": Giả định em đang có 200 000 đồng, hãy đưa ra phương án chi tiêu của mình với khoản tiền này và giải thích vì sao em lựa chọn như vậy.

– GV mời 3 – 5 HS lên trình bày phương án chi tiêu của mình với điều kiện không trùng lặp với phương án của bạn chơi trước.

– Sau khi trò chơi kết thúc, GV nêu câu hỏi: Em có suy nghĩ gì về ý nghĩa của việc chi tiêu tiền hiệu quả?

GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới: Trong cuộc sống, tiền là phương tiện để mua sắm mọi thứ phục vụ cho nhu cầu cuộc sống. Kiếm tiền đã khó nhưng chi tiêu tiền thế nào cho hợp lí và hiệu quả lại càng khó hơn. Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu biết nhiều hơn về quản lí tiền thế nào cho hiệu quả.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả

a) Mục tiêu: HS nêu được ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV mời một HS đọc câu chuyện trong SGK và yêu cầu HS khác trả lời câu hỏi:

+ Em có nhận xét gì về việc quản lí tiền của Thuý?

+ Theo em, việc quản lí tiền hiệu quả có ý nghĩa gì trong cuộc sống?

– GV nhận xét phần trả lời của HS và tóm tắt những ý cơ bản:

+ Thuý được mẹ tin tưởng giao cho một số tiền để chi tiêu khi cần thiết. Bạn đã nhận thức được bố mẹ rất vất vả để kiếm tiền nên tự nhủ phải có trách nhiệm quản lí số tiền được cho một cách hiệu quả.

+ Nội dung quản lí tiền của bạn Thuý bao gồm:

- Giữ tiền cẩn thận.
- Luôn chi tiêu có kế hoạch, chỉ mua những thứ thật cần thiết.
- Nghĩ cách kiếm thêm tiền phù hợp với lứa tuổi và hoàn cảnh.

+ Ý nghĩa của việc quản lí tiền hiệu quả:

Biết quản lí tiền hiệu quả giúp giảm bớt gánh nặng tiền bạc cho bố mẹ; rèn luyện được thói quen chi tiêu hợp lí; biết cách kiếm tiền phù hợp với khả năng, sức lực của mình;... để tạo dựng được cuộc sống ổn định, tự chủ và không ngừng phát triển.

Hoạt động 2: Tìm hiểu một số nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả

a) Mục tiêu: HS kể được một số nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả.

b) Tổ chức thực hiện:

• Sử dụng tiền hợp lí, hiệu quả

** Chi tiêu có kế hoạch: chỉ mua những thứ thật sự cần và phù hợp với khả năng chi trả*

– GV yêu cầu HS quan sát các hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Trong các sản phẩm trên, đâu là những sản phẩm em muốn có, trong đó đâu là thứ em rất cần? Nếu chỉ có một số tiền có hạn, không mua được tất cả những thứ em muốn thì em sẽ chọn mua những sản phẩm nào? Vì sao?

+ Nếu chi tiêu tuỳ tiện vượt quá mức cho phép sẽ dẫn đến hậu quả gì? Theo em, có cách nào để tránh việc chi tiêu quá mức?

– GV có thể gợi ý: Sản phẩm em thực sự cần là những thứ thật cần thiết, không thể thiếu trong cuộc sống sinh hoạt, còn những thứ em muốn có thể là những thứ rất hay, rất đẹp nhưng cũng thường rất đắt tiền nếu không có cũng không ảnh hưởng đến cuộc sống.

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và kết luận:

Với một khoản tiền có hạn, em cần phải có nguyên tắc trong chi tiêu, đó là: chỉ mua những thứ thật cần thiết như: sách, vở, dép có quai. Không nhất thiết phải mua như: điện thoại, ván trượt pa-tanh, bánh pizza,... Sở dĩ phải cân nhắc khi ra quyết định chi tiêu vì tiền em được tiêu là có hạn. Phải ưu tiên cho những nhu cầu cần thiết trước. Nếu chi tiêu vượt quá số tiền mình có sẽ dẫn đến việc phải vay mượn, nợ nần,...

** Chỉ vay tiền khi thực sự cần và phải trả đúng hẹn*

– GV mời một HS đọc trường hợp trong SGK và nhắc các HS khác lắng nghe, suy nghĩ để trả lời câu hỏi:

+ Vì sao H khó vay tiền của các bạn?

+ Theo em, khi vay tiền cần chú ý điều gì? Vì sao?

– Sau đó, GV mời HS trả lời.

– GV nhận xét và kết luận:

Trong cuộc sống, có những lúc chúng ta cần phải chi tiêu cho một việc nào đó rất cần thiết nhưng không có đủ tiền nên phải vay mượn người khác. Người cho ta vay tiền vì muốn giúp đỡ đồng thời cũng tin tưởng là sẽ được hoàn trả đúng thời hạn. Vì thế, sau khi vay, em cần phải trả tiền đúng thời hạn và đừng quên cảm ơn người đã cho mình vay tiền. Nếu không thực hiện đúng nguyên tắc vay phải trả này, thì những lần vay sau sẽ rất khó khăn.

• Đặt mục tiêu và thực hiện tiết kiệm tiền hiệu quả

** Đặt mục tiêu tiết kiệm tiền*

– GV tổ chức cho các nhóm chơi đóng vai thực hiện đoạn hội thoại trong SGK, sau đó mời một nhóm lên thể hiện trước lớp.

– GV đặt câu hỏi và mời đại diện các nhóm trả lời:

+ Chị Hà đặt ra mục tiêu tiết kiệm và đã thực hiện mục tiêu này như thế nào?

+ Em đã bao giờ đặt mục tiêu tiết kiệm chưa? Nếu có, em đã thực hiện mục tiêu đó như thế nào?

+ Em hãy nêu lợi ích của việc đặt mục tiêu tiết kiệm tiền.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– GV nhận xét và kết luận:

Việc đặt mục tiêu tiết kiệm trước chi tiêu thể hiện em có chủ đích thực hiện tiết kiệm khi đang có một khoản tiền nhất định. Nhờ có mục tiêu tiết kiệm, em sẽ chủ động tìm cách thực hiện được mục tiêu đó. Kết quả là em sẽ tiết kiệm được một khoản tiền nhỏ cho riêng mình để có thể thực hiện những khoản chi tiêu khác khi cần thiết và có ý nghĩa mà không cần sự trợ cấp của bố mẹ.

** Không lãng phí thức ăn, điện, nước, ...*

– GV mời HS quan sát tranh, nêu những biểu hiện tiết kiệm trong các bức tranh và trả lời câu hỏi:

Vì sao tiết kiệm thức ăn, điện, nước,... lại giúp chúng ta tiết kiệm được tiền? Nêu ý nghĩa của việc tiết kiệm điện, nước, thức ăn,... trong cuộc sống.

– Sau khi HS trả lời, GV nhận xét và kết luận:

Thức ăn, điện, nước,... là những thứ thiết yếu trong cuộc sống mà chúng ta phải tiêu dùng hằng ngày và đa phần là những thứ phải mua bằng tiền. Vì thế, tiết kiệm chúng trong tiêu dùng giúp ta tiết kiệm tiền. Không những thế còn góp phần tiết kiệm những nguồn tài nguyên đang ngày càng khan hiếm.

– GV mời HS kể ra cách thực hiện tiết kiệm điện, nước, thức ăn, vật dụng – những kiến thức này HS đã được học ở bài Tiết kiệm năm lớp 6.

• ***Học cách kiếm tiền phù hợp***

– GV gợi ý HS kể ra những cách kiếm tiền mà HS lớp 7 có thể thực hiện được mà không ảnh hưởng đến việc học hành. Để chủ động khai thác nội dung này, GV có thể nêu bài tập để HS chuẩn bị trước: tìm hiểu một vài cách mà HS ở địa phương em có thể làm thêm để kiếm tiền phù hợp với lứa tuổi, không vi phạm pháp luật lao động.

– GV có thể gợi ý như trong SGK và hỏi HS xem liệu các em có thể thực hiện được cách nào:

+ Kiếm tiền bằng việc tái chế

+ Làm đồ thủ công để bán

+ Làm phụ giúp bố mẹ

+ Nhờ bố mẹ gửi tiết kiệm ngân hàng để lấy tiền lãi khi có tiền nhàn rỗi.

– GV hướng dẫn HS quan sát bức tranh trong SGK, yêu cầu một HS nêu tóm tắt nội dung câu chuyện thể hiện trong bức tranh. Sau đó đặt câu hỏi và mời HS trả lời: Theo em, gửi tiền vào ngân hàng mang lại ích lợi gì?

– GV nhận xét và kết luận:

Ngân hàng là đơn vị trung gian nhận tiền nhàn rỗi của những người gửi và cho những người cần tiền vay để sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, đầu tư,... Khi tiết kiệm được một khoản tiền mà chưa có nhu cầu chi tiêu, em có thể nhờ bố mẹ gửi hộ tiền vào ngân hàng để được hưởng tiền lãi làm cho số tiền mình có tăng lên.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã khám phá và thực hành xử lí một số tình huống cụ thể.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?*

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận một ý kiến nêu trong SGK, sau đó mời đại diện nhóm lên trình bày trước lớp, các nhóm khác lắng nghe và đưa ra ý kiến tranh luận, bổ sung.

– Sau khi HS thảo luận, GV nêu ý kiến nhận xét và chốt lại:

a) Ý kiến này không đúng. Quản lí chi tiêu luôn là bài toán với mỗi người ngay từ khi có nhu cầu chi tiêu nên HS cần có kĩ năng tài chính để đưa ra những quyết định đúng đắn, phù hợp khi cần chi tiêu tiền.

b) Ý kiến này không đúng. Trong thực tế, mỗi HS sẽ có lúc cần có tiền để chi cho những việc cần thiết. Vì thế, mỗi người cần có một số tiền nhất định dự phòng trong người. Trong thực tế, nhiều bạn HS còn thiếu kĩ năng trong việc quản lí tiền, khi có tiền thì không biết giữ gìn cẩn thận hoặc khi chi tiêu thì không hợp lí. Vì thế, HS cần phải rèn luyện kĩ năng tài chính.

c) Tiết kiệm tiền không chỉ dành cho người thường chi tiêu quá nhiều tiền mà còn rất cần với người chi tiêu ít vì người chi tiêu ít có thể là vì họ có thu nhập thấp, không có nhiều tiền. Trong trường hợp này, càng cần phải biết tiết kiệm tiền, biết cân nhắc nên mua thứ gì thật là cần thiết.

d) Ý kiến này cho thấy ý nghĩa của việc quản lí tiền. Một người biết quản lí tiền sẽ chi tiêu hợp lí, không lãng phí, biết tiết kiệm thì sẽ luôn có điều kiện để cải thiện chất lượng cuộc sống, sẽ có một cuộc sống đủ đầy.

2. *Nhận xét hành vi*

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi các trường hợp ở bài tập 2 trong SGK. Sau đó, GV mời đại diện bốn nhóm phát biểu ý kiến và mời các ý kiến nhận xét khác trong lớp.

– Sau đó, GV nhận xét và kết luận:

a) Mục đích nhịn ăn sáng của bạn K là để tiết kiệm tiền mua truyện nhưng việc làm đó chưa hợp lí vì phải lựa chọn giữa ăn sáng và mua truyện thì ăn sáng cần thiết hơn, nếu ngày nào cũng nhịn ăn sáng sẽ ảnh hưởng đến sức khoẻ, không thể học tốt được. Cần nhấn mạnh nguyên tắc: chỉ tiết kiệm đối với khoản chi không thật cần thiết.

b) Đây là một biểu hiện của việc chi tiêu không có kế hoạch. Mới chỉ một tuần H đã dùng hết tiền chi tiêu cho cả tháng thì những ngày còn lại sẽ rất khó khăn với bạn, chẳng hạn sẽ không có tiền ăn sáng, không có tiền mua nước, lỡ hỏng xe dọc đường không có tiền để sửa,... Vì thế, cần phải lập ra một kế hoạch chi tiêu: chia ra định mức, mỗi tuần được chi bao nhiêu, cách để thực hiện đúng định mức đó theo nguyên tắc chỉ mua những thứ thật cần thiết và không vượt quá định mức. Trong trường hợp gặp vấn đề cần kíp phải chi tiêu vượt định mức thì ngay sau đó phải có kế hoạch tiết kiệm để bù lại phần đã chi vượt mức.

c) Đây là một thói quen tốt trong quản lí tiền. Việc chủ động đặt ra mục tiêu tiết kiệm sẽ giúp em có động lực và có kế hoạch thực hiện mục tiêu này.

d) Đây là một thói quen tốt vì ghi ra giấy những thứ cần mua giúp em tránh mua tuỳ hứng, không đúng mục đích dẫn đến sai kế hoạch, lãng phí trong chi tiêu. Ngoài ra, thói quen này giúp em đỡ tốn thời gian khi đi chợ và luôn mua được đủ những thứ mình cần.

3. *Xử lí tình huống*

– GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm, phân công mỗi nhóm thảo luận một tình huống (nếu có thể, chọn một trong số các tình huống để HS sắm vai), sau đó mời các nhóm lên trình bày, các bạn nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến, GV nhận xét và đưa ra kết luận.

Gợi ý:

a) Đây là một tình huống mở, HS có thể đưa ra các phương án giải quyết khác nhau: có thể Q sẽ đồng ý cho M vay tiền để mua quả bóng; có thể Q không đồng ý cho M vay.

Đáp án mong muốn: Q không nên cho vay vì:

+ Nhu cầu vay tiền mua bóng để chơi không thật cần thiết.

+ Khả năng chi trả của M là rất khó vì còn phụ thuộc vào việc mẹ cho tiền (cho khi nào và cho bao nhiêu).

b) GV mời một HS nêu tóm tắt nội dung tình huống. Các HS khác phát biểu nêu phương án xử lí, chú ý khai thác cả phương án đồng ý và không đồng ý.

Đáp án mong muốn: N không đồng ý vì nhu cầu ăn kem không thật cần thiết. Mặt khác, N đã có ý định sử dụng khoản tiền đó cho những việc làm rất có ý nghĩa. Tuy nhiên, cũng có thể đưa ra gợi ý nếu không mua kem vì tốn nhiều tiền thì có thể mua một chút gì đó để mời các bạn cho thêm phần vui vẻ, ví dụ như bỏng ngô, bim bim,...

4. *Giải bài toán chi tiêu*

– Các nhóm phác thảo ra ý tưởng tổ chức buổi sinh nhật với số tiền 150 000 đồng.

– Sau 5 phút thảo luận, GV mời các nhóm lên trình bày kế hoạch, đại diện các nhóm khác nhận xét kế hoạch tổ chức của từng nhóm.

– GV nhận xét, cần chú ý một số tiêu chí sau đây:

+ Tổng các khoản chi có vượt quá mức 150 000 đồng không?

+ Nội dung buổi sinh nhật có ý nghĩa, thiết thực, vui vẻ, tình cảm không?

+ Khả năng khai thác các nguồn lực khác sẵn có như thế nào?

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Lập kế hoạch kinh doanh*

– GV tổ chức buổi hội chợ trong khuôn khổ lớp học, hoặc có thể kết hợp với nhà trường tổ chức buổi hội chợ cho cả khối lớp 7, coi như một hoạt động ngoại khoá. Nếu trong khuôn khổ một lớp thì mỗi nhóm là một đơn vị kinh doanh. Nếu trong khuôn khổ cả khối lớp 7 thì mỗi lớp là một đơn vị kinh doanh. GV cần có bước hướng dẫn HS chuẩn bị tham gia hội chợ, yêu cầu các nhóm lên kế hoạch kinh doanh tại hội chợ do lớp tổ chức để kiếm tiền đóng góp cho quỹ từ thiện theo gợi ý sau:

+ Chọn mặt hàng sẽ bán tại hội chợ:

• Liệt kê những món đồ ở nhà mà em và các bạn không cần dùng nữa như: sách, truyện, tạp chí, túi, ví, mũ/nón... có thể mang đi bán.

• Lập danh sách một vài mặt hàng có thể mua để bán tại hội chợ (chú ý mua mặt hàng nhiều người thích, chi ít tiền, khảo giá để mua được rẻ,...).

+ Phân công các thành viên trong nhóm chuẩn bị mua hàng, thu gom sản phẩm cần bán, hỗ trợ nhau để bán hàng.

+ Chuẩn bị gian hàng để bán hàng tiện lợi.

– Nếu trong khuôn khổ lớp, dành riêng một tiết để tổ chức buổi chợ. Cho HS kê bàn thành các gian hàng tương ứng với số nhóm tham gia. Tuỳ theo điều kiện có thể giao dịch bằng tiền thật hoặc thẻ tiền do GV cung cấp.

– GV đề nghị các nhóm tham gia mua bán, quan sát hoạt động của các gian hàng khác, đưa ra nhận xét về chủng loại hàng hoá, cách thức bày biện, phương thức, thái độ bán hàng.

– Kết thúc buổi hội chợ (trong khoảng 30 phút), GV yêu cầu các nhóm báo cáo kết

quả kinh doanh, nêu nhận xét về các nhóm khác, và rút ra bài học để lần sau tham gia kinh doanh hiệu quả hơn.

– GV tổng kết, nhận xét đánh giá.

2. *Lập kế hoạch thực hiện mục tiêu tiết kiệm một khoản tiền trong một thời gian nhất định và chia sẻ với bố mẹ và các bạn*

– GV hướng dẫn HS xác định:

+ Khoản tiền muốn tiết kiệm là bao nhiêu?

+ Em muốn có khoản tiền đó để làm gì?

+ Thời gian thực hiện trong bao lâu?

+ Dự kiến sẽ có khoản tiền đó bằng cách nào?

+ Viết ra kế hoạch để thực hiện.

– GV cần nêu rõ yêu cầu về hình thức bản kế hoạch và thời gian nộp bản kế hoạch.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 9. PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.

– Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân, gia đình và xã hội.

– Nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện tốt các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do nhà trường, địa phương tổ chức.

Về phẩm chất

Có phẩm chất trung thực, trách nhiệm, thể hiện qua việc biết phê phán, đấu tranh với các tệ nạn xã hội và tuyên truyền, vận động mọi người tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Một số hình ảnh, video về tệ nạn xã hội;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khơi gợi, dẫn dắt HS vào bài học và giúp HS có hiểu biết ban đầu về bài học mới.

b) Tổ chức thực hiện:

GV có thể sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học, yêu cầu HS nêu tên những tệ nạn xã hội các em dễ mắc phải và giải thích vì sao.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và các loại tệ nạn xã hội phổ biến

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, quan sát các tranh và đọc thông tin trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Nhận xét về hành vi sai trái trong những bức tranh và các trường hợp trên. Nêu hậu quả của những hành vi đó.

+ Theo em, tệ nạn xã hội là gì?

+ Hãy kể tên các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay.

Gợi ý:

+ Các bức tranh, trường hợp trên đề cập đến các tệ nạn: đua xe, cờ bạc, nghiện rượu, bia, ma tuý, mê tín dị đoan. Các tệ nạn xã hội này gây ra những hậu quả tiêu cực về sức khoẻ, tâm lí, kinh tế của bản thân và gia đình; gây rối loạn trật tự xã hội.

+ Tệ nạn xã hội là những hành vi sai lệch chuẩn mực xã hội, vi phạm đạo đức và pháp luật mang tính phổ biến, gây hậu quả xấu về mọi mặt đối với đời sống xã hội.

+ Các loại tệ nạn xã hội phổ biến hiện nay: ma tuý, mại dâm, cờ bạc, mê tín dị đoan, nghiện rượu, bia,...

– GV mời một vài HS trả lời các câu hỏi. Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Hoạt động 2: Tìm hiểu nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu: HS nêu được các nguyên nhân và hậu quả của tệ nạn xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi, đọc các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi:

+ Em hãy nêu nguyên nhân, hậu quả của các tệ nạn xã hội trong các trường hợp.

+ Kể thêm những hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết.

Gợi ý:

Nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội trong các trường hợp:

1/ S tham gia tệ nạn ma tuý:

• Nguyên nhân: S tò mò khi nghe một số thanh niên kể về ma tuý đá nên quyết định dùng thử.

• Hậu quả: Sức khoẻ S giảm sút (gầy gò, dáng đi xiêu vẹo, khả năng tập trung trí óc suy giảm, thường xuyên xuất hiện ảo giác), không kiểm soát được hành vi (có hành vi kích động, liên tục la hét và cầm hung khí tấn công mọi người), bị công an bắt giữ.

2/ Bà Y tham gia tệ nạn mê tín dị đoan:

• Nguyên nhân: Bà Y không có việc làm ổn định, lười biếng, không muốn lao động vất vả nhưng tham lam muốn kiếm được nhiều tiền.

• Hậu quả: Gây lãng phí tiền bạc, mất an ninh trật tự,...

3/ N bị lừa tham gia hình thức bốc thăm trúng thưởng:

• Nguyên nhân: N thiếu kiến thức, ham hưởng lợi số tiền không phải do mình làm ra.

• Hậu quả: N bị mất toàn bộ số tiền trong tài khoản.

– HS thảo luận và cử đại diện trả lời. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận:

+ Có rất nhiều nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội, về chủ quan có các nguyên nhân như: do nhận thức kém, thiếu hiểu biết, thiếu kĩ năng sống nên dễ bị lôi kéo, rủ rê, dụ dỗ thực hiện các hành vi sai trái; do thất nghiệp, nghèo đói, lười lao động, ham tiền, thích

hưởng thụ, thích thể hiện; do lo lắng, sợ hãi, căng thẳng trước những biến cố của sức khoẻ, của cuộc sống,... Về khách quan, có những nguyên nhân như: do điều kiện kinh tế còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp; do môi trường gia đình tiêu cực (bạo lực gia đình, nghèo đói, bố mẹ thiếu quan tâm giáo dục,...); do những hệ luỵ từ sự phát triển của công nghệ thông tin,...

+ Các tệ nạn xã hội có thể gây những hậu quả nghiêm trọng đối với chính bản thân người tham gia, gia đình và xã hội. Đối với bản thân: người nghiện ma tuý sẽ bị ảnh hưởng đến thần kinh, có nguy cơ mắc các bệnh về hô hấp, tim mạch, thần kinh, lây nhiễm HIV/AIDS;... tệ nạn mại dâm sẽ làm con người bị tha hoá về nhân cách, bị mua bán, cưỡng bức, dễ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục;... người mê tín dị đoan sẽ bị thiệt hại về tiền bạc, gây ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, thời gian, tính mạng;... Các tệ nạn xã hội làm cho con người bị mê muội, đắm chìm, khó dứt ra được, dễ rơi vào lối sống buông thả, dễ vi phạm pháp luật và phạm tội, kinh tế khó khăn, nợ nần, bị những người xung quanh xa lánh,... Đối với gia đình người tham gia tệ nạn xã hội: có nguy cơ bị lây nhiễm bệnh tật, ảnh hưởng kinh tế, gây mâu thuẫn, tan vỡ gia đình, bạo lực gia đình, suy đồi đạo đức gia đình, ảnh hưởng xấu đến trẻ em,...; Đối với xã hội: các tệ nạn gây rối loạn trật tự xã hội, làm suy đồi đạo đức, lối sống, ảnh hưởng xấu đến thuần phong mĩ tục, gây ô nhiễm môi trường,...

Hoạt động 3: Tìm hiểu một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu: HS nêu được một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin trong SGK và trả lời câu hỏi:

+ Em hãy cho biết hành vi tẩm ma tuý vào thuốc lào để hút của các HS ở trường hợp 1 (mục 1) có vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội không. Vì sao?

+ Em hãy nêu một số quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

Gợi ý:

+ Hành vi tẩm ma tuý vào thuốc lào để hút của các HS vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội vì pháp luật Việt Nam nghiêm cấm tất cả các hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý.

+ Quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội:

• Nghiêm cấm các hành vi mua dâm, bán dâm, môi giới mại dâm,...; nghiêm cấm việc trồng cây, hướng dẫn trồng cây có chứa chất ma tuý; nghiêm cấm việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, bảo quản, mua bán, trao đổi, sử dụng, tổ chức sử dụng trái phép chất ma tuý...; nghiêm cấm các hành vi đánh bạc, cá độ dưới mọi hình thức,...; nghiêm cấm các hành vi mê tín, dị đoan, truyền bá văn hoá phẩm đồi truỵ,...

• Tất cả mọi người phải có trách nhiệm tuyên tuyền, giáo dục các thành viên trong gia đình, người thân về tác hại của tệ nạn xã hội và thực hiện quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội; phải cung cấp kịp thời thông tin về tệ nạn xã hội cho cơ quan công an hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền; tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội do trường học, địa phương tổ chức,...

• Người vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội sẽ bị xử lí theo quy định của pháp luật. Tuỳ theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân sẽ phải chịu các hình thức xử lí tương ứng như kỉ luật, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, phạt tiền, phạt tù có thời hạn hoặc cao nhất là tử hình.

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của một vài HS trả lời các câu hỏi.

– Các HS còn lại nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và chốt lại vấn đề.

Hoạt động 4: Tìm hiểu trách nhiệm của HS trong phòng, chống tệ nạn xã hội

a) Mục tiêu: HS nêu được trách nhiệm của bản thân trong việc phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, quan sát các tranh trong SGK để trả lời câu hỏi:

a) Trong các bức tranh trên, các bạn đã làm gì để phòng, chống tệ nạn xã hội?

b) Em hãy kể thêm những việc HS cần làm để phòng, chống tệ nạn xã hội.

Gợi ý:

+ Những việc các bạn trong các bức tranh đã làm để phòng, chống tệ nạn xã hội:

• Tranh 1: Các HS nghe chú công an giảng bài về phòng, chống tệ nạn xã hội để bổ sung kiến thức cho bản thân.

• Tranh 2: Các HS tích cực tham gia hoạt động tuyên truyền phòng, chống tệ nạn xã hội.

• Tranh 3: Bạn HS gửi đơn, thư vào hòm thư tố giác tội phạm để tố cáo những người có hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội.

• Tranh 4: Bạn HS tỏ lời từ chối ngay khi được một người bạn rủ rê hút cần sa.

• Tranh 5: Các HS tham gia một buổi toạ đàm thảo luận về những việc nên làm để phòng, chống tệ nạn xã hội.

+ Những việc HS cần làm để phòng, chống tệ nạn xã hội: Trang bị cho bản thân các kiến thức về tệ nạn xã hội, về kĩ năng sống; nói không với tệ nạn xã hội; chủ động từ chối khi bị rủ rê tham gia tệ nạn xã hội; báo cáo kịp thời cho nhà trường hoặc lực lượng công an khi phát hiện các hoạt động tệ nạn xã hội, đường dây hoạt động ma tuý, mại dâm, cờ bạc,...; rèn luyện cho mình một lối sống giản dị, lành mạnh, tuân thủ các quy định của pháp luật và tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn trong nhà trường và địa phương để hướng tới xây dựng một đất nước văn minh,...

– HS thảo luận nhóm, cử đại diện trình bày. Các HS còn lại nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận.

– Kết thúc phần Khám phá, GV yêu cầu HS nhắc lại nội dung bài học, tổng kết những nội dung chính thông qua phần chốt nội dung trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học và thực hành xử lí tình huống cụ thể về phòng, chống tệ nạn xã hội.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Bày tỏ quan điểm*

– GV nêu yêu cầu bài tập và lần lượt đọc các ý kiến trong SGK, sau đó chỉ định HS đưa ra câu trả lời.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý:

a) Không đồng tình vì có những người bị đe doạ ép buộc, bị lừa, bị dụ dỗ tham gia tệ nạn xã hội (ví dụ: bị cưỡng ép bán dâm, bị lừa vận chuyển ma tuý, bị dụ dỗ làm lễ cúng bái,...) nên không phải tất cả những người tham gia tệ nạn xã hội đều là người xấu.

b) Đồng tình vì trẻ em tham gia vào tệ nạn xã hội có thể phải gánh chịu nhiều hậu quả nặng nề về thể chất và tinh thần, có thể dẫn đến vi phạm pháp luật.

c) Không đồng tình vì việc phòng, chống tệ nạn xã hội là trách nhiệm chung của tất cả các cơ quan nhà nước và toàn xã hội chứ không phải chỉ riêng của cơ quan công an.

2. *Nhận xét hành vi*

– GV yêu cầu cả lớp đọc các hành vi để trả lời câu hỏi.

– GV chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong của một vài HS trả lời lần lượt từng câu hỏi cho các hành vi. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý:

a) Hành vi của L là sai, vi phạm pháp luật vì L và các bạn cá cược bằng tiền, đây cũng là một hình thức đánh bạc trái phép.

b) Hành vi của bà N là sai, vi phạm pháp luật vì pháp luật Việt Nam nghiêm cấm các hành vi vận chuyển, buôn bán trái phép chất ma tuý, đồng thời quy định trẻ em có quyền được bảo vệ khỏi các chất ma tuý.

c) Hành vi của H là đúng đắn vì việc xem bói là mê tín dị đoan, trái với quy định của pháp luật.

3. *Xử lí tình huống*

– GV chia lớp thành các nhóm và yêu cầu mỗi nhóm đóng vai theo một tình huống trong SGK để đưa ra cách xử lí.

– GV nhận xét, kết luận.

Gợi ý:

a) Có thể theo một trong hai cách sau:

+ Cách 1: A trực tiếp giải thích cho mọi người hiểu nguyên nhân khiến một số em nhỏ bị sốt và nổi ban đỏ (ví dụ: trẻ bị sốt xuất huyết, bị sởi,...) và khuyên mọi người đưa trẻ đến các cơ sở y tế để được hỗ trợ. Giải thích cho người dân hiểu việc cúng bái trừ tà là một hoạt động mê tín dị đoan, trái pháp luật và không mang lại hiệu quả chữa bệnh.

+ Cách 2: A có thể nói chuyện với bố mẹ hoặc tìm gặp những người có uy tín ở địa phương như trưởng bản, cán bộ chính quyền, công an, bộ đội, cán bộ y tế để nhờ giải thích cho người dân hiểu về nguyên nhân khiến trẻ em bị sốt và nổi ban đỏ.

b) Có thể theo một trong hai cách sau:

+ Cách 1: M có thể trực tiếp nói chuyện với anh, xác nhận lại việc trồng cây cần sa, giải thích cho anh hiểu về tác hại của việc trồng cây cần sa và khuyên anh không nên trồng nữa.

+ Cách 2: Hoặc M có thể chia sẻ lại sự việc với bố mẹ để nhờ can thiệp.

c) S từ chối cho anh trai mượn tiền, đồng thời kiếm cớ đòi anh rời đi, sau đó nhẹ nhàng giải thích cho anh hiểu việc đánh bài ăn tiền là trái pháp luật và khuyên anh không nên tham gia.

4. *Chia sẻ những việc bản thân em đã làm để phòng, chống tệ nạn xã hội*

– GV nêu yêu cầu bài tập. HS ghi lại câu trả lời của mình vào giấy, sau đó GV mời một vài HS đọc câu trả lời. Các HS khác nhận xét, góp ý.

– GV nhận xét, kết luận.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học về phòng, chống tệ nạn xã hội vào thực tiễn.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm để thực hiện yêu cầu của các bài tập ở nhà. Trước tiết học kế tiếp sẽ chỉ định hoặc lấy tinh thần xung phong một vài nhóm biểu diễn trước lớp.

2. GV yêu cầu HS về nhà tự vẽ một bức tranh phê phán các tệ nạn xã hội. Trước tiết học kế tiếp gọi một vài bạn thuyết minh giới thiệu về bức tranh của mình với cả lớp.

KẾT NỐI TRI THỨC
VỚI CUỘC SỐNG

Bài 10. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG GIA ĐÌNH

(4 tiết)

I. MỤC TIÊU

Về kiến thức

– Nêu được khái niệm và vai trò của gia đình, quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

– Nhận xét được việc thực hiện quyền và nghĩa vụ trong gia đình của bản thân và người khác.

Về năng lực

Cùng với những năng lực chung, HS có năng lực điều chỉnh hành vi, phát triển bản thân, thực hiện được nghĩa vụ của bản thân đối với ông bà, cha mẹ và anh, chị, em trong gia đình bằng những việc làm cụ thể.

Về phẩm chất

Có phẩm chất nhân ái, trách nhiệm, thể hiện qua tình yêu thương và những việc làm thực hiện nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

– SGK, SGV, Bài tập GDCD 7;

– Tranh, ảnh liên quan đến bài học;

– Luật Hôn nhân và Gia đình;

– Máy tính, máy chiếu, bài giảng powerpoint,... (nếu có điều kiện).

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. MỞ ĐẦU

a) Mục tiêu: Khai thác vốn sống, trải nghiệm của HS về chủ đề bài học, tạo hứng thú để dẫn dắt vào bài mới.

b) Tổ chức thực hiện:

– GV có thể sử dụng phần Mở đầu trong SGK để dẫn dắt HS vào bài học.

– GV bật bài hát "Cho con" (sáng tác: Phạm Trọng Cầu) để cả lớp cùng nghe hoặc đề nghị một vài HS hát (nếu đã yêu cầu HS chuẩn bị từ buổi học trước). GV cũng có thể đề nghị HS hát các bài hát khác về chủ đề gia đình (nếu HS biết).

– GV yêu cầu HS chia sẻ cảm xúc và suy nghĩ về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình mình theo câu hỏi gợi ý sau:

+ Mọi người trong gia đình đối với em như thế nào?

+ Kể một vài việc cha, mẹ, anh chị đã làm cho em (thể hiện sự quan tâm, chăm sóc, tình thương yêu đối với em).

+ Em đã làm những việc gì để thể hiện tình yêu thương đối với ông bà, cha, mẹ và các anh chị em trong gia đình?

– GV nhận xét, kết luận.

2. KHÁM PHÁ

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm và vai trò của gia đình

a) Mục tiêu: HS nêu được khái niệm gia đình, vai trò của gia đình.

b) Tổ chức thực hiện:

** Tìm hiểu khái niệm gia đình*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc hai trường hợp và trả lời câu hỏi trong SGK.

– GV mời HS trả lời câu hỏi, các HS khác nhận xét, bổ sung.

– GV gợi ý cho HS những yếu tố tạo nên một gia đình: huyết thống, chăm sóc, nuôi dưỡng, tình yêu thương,... (Những nhà chỉ có cha mẹ nuôi với con nuôi, có mẹ và con, có ông bà và cháu,... có phải là gia đình không?)

– GV kết luận: Theo khoản 2, Điều 3 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014: Gia đình là tập hợp những người gắn bó với nhau do quan hệ hôn nhân, huyết thống hoặc quan hệ nuôi dưỡng làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ giữa họ với nhau theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

+ Trường hợp 1 là gia đình dựa trên quan hệ hôn nhân và huyết thống (quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ).

+ Trường hợp 2 là gia đình dựa trên quan hệ nuôi dưỡng (việc nhận nuôi con nuôi phải tuân theo quy định pháp luật về nuôi con nuôi và phải đăng kí với cơ quan nhà nước có thẩm quyền).

** Tìm hiểu vai trò của gia đình*

– GV chia lớp thành các nhóm. Mỗi nhóm thảo luận, nghiên cứu một trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi.

– GV nêu các gợi ý thảo luận để thấy rõ vai trò của gia đình thông qua các biểu hiện:

+ Sinh con, nuôi dưỡng, chăm sóc con;

+ Dạy bảo, giáo dục và tạo điều kiện để con được học tập và phát triển toàn diện;

+ Tham gia lao động, sản xuất, tạo thu nhập đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của các thành viên trong gia đình;

+ Xây dựng môi trường sống lành mạnh, an toàn,...

– Các nhóm viết kết quả thảo luận ra giấy và cử đại diện trình bày trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

– GV nhận xét, kết luận:

+ Vai trò của gia đình thể hiện:

• Ở trường hợp 1 là: sinh con, nuôi dạy con cháu, lao động, sản xuất để có thu nhập đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, tiêu dùng của gia đình.

• Ở trường hợp 2: xây dựng môi trường an toàn lành mạnh trong gia đình, giáo dục, dạy dỗ, tạo điều kiện cho con cháu phát triển toàn diện.

+ Vai trò của gia đình thể hiện qua các chức năng cơ bản của gia đình là: duy trì nòi giống, tổ chức kinh tế, tổ chức đời sống gia đình, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Hoạt động 2: Tìm hiểu các quy định cơ bản của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa các thành viên trong gia đình

Trong gia đình có các mối quan hệ: quan hệ giữa vợ và chồng, quan hệ giữa cha, mẹ và con, giữa các anh, chị, em, giữa ông bà nội ngoại và các cháu.

a) Mục tiêu: HS nêu được các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và các con, giữa ông bà và các cháu, giữa anh, chị, em trong gia đình.

b) Tổ chức thực hiện:

** Tìm hiểu các quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*

– GV yêu cầu HS làm việc cặp đôi, đọc thông tin và nghiên cứu trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi.

– GV có thể gợi ý thêm bằng các câu hỏi như:

+ Chồng có quyền đánh vợ không? Vì sao?

+ Ai là người quyết định mọi việc trong gia đình?

+ Vợ chồng bình đẳng biểu hiện như thế nào trong gia đình?

+ Sự tôn trọng, quan tâm giữa vợ và chồng thể hiện như thế nào trong gia đình?

– Đại diện các nhóm trả lời câu hỏi, các nhóm khác góp ý, bổ sung.

– GV nhận xét và kết luận:

Chú Nam đã suy nghĩ, ứng xử phù hợp với quy định tại Điều 17 Luật Hôn nhân và Gia đình. Suy nghĩ và ứng xử của chú Kha thể hiện sự bất bình đẳng trong quan hệ vợ chồng. Điều đó trái với quy định của pháp luật.

** Tìm hiểu quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin kết hợp nghiên cứu trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi.

– Các nhóm thảo luận và viết kết quả làm việc ra giấy.

– GV mời đại diện nhóm trình bày kết quả làm việc nhóm. Các HS khác cho ý kiến bổ sung, hoàn thiện câu trả lời (nếu cần).

– GV nêu rõ: trong các trường hợp trên, bố mẹ K, bố mẹ Mai đã thực hiện đúng quy định tại Điều 69 Luật Hôn nhân và Gia đình, thương yêu, nuôi dưỡng, chăm sóc con, tạo điều kiện cho con học tập và phát triển lành mạnh về thể chất và tinh thần. H chưa làm tròn bổn phận biết ơn, hiếu thảo với bố mẹ.

– GV yêu cầu các thành viên trong nhóm chia sẻ những việc làm của bản thân/của cha mẹ trong gia đình về việc thực hiện đúng/không đúng các quyền và nghĩa vụ đó.

– GV mời một HS đọc một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình về quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con để cả lớp bổ sung vào kết quả làm việc của các nhóm.

– GV nhận xét kết quả làm việc nhóm, khen ngợi các nhóm kể được nhiều, chính xác quyền, nghĩa vụ giữa cha mẹ và con.

** Tìm hiểu quyền, nghĩa vụ giữa anh, chị, em trong gia đình*

– GV yêu cầu HS thảo luận nhóm, đọc thông tin và nghiên cứu các trường hợp trong SGK để trả lời câu hỏi.

Gợi ý:

– GV gợi ý HS dựa vào thông tin trong mục để đưa ra ví dụ về việc thực hiện những quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 105 Luật Hôn nhân và Gia đình.

– Việc làm của Hưng thể hiện Hưng là người con hiếu thảo với bố mẹ, thương yêu các em. Còn P là anh nhưng không nhường nhịn em, bắt nạt em.

– HS chia sẻ những việc làm của bản thân và các anh/chị/em thực hiện đúng/không đúng quyền, nghĩa vụ giữa anh, chị, em trong gia đình và cho biết lí do vì sao.

– GV nhận xét và kết luận.

– GV mời một HS đọc quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình về quyền, nghĩa vụ giữa anh, chị, em trong gia đình.

Lưu ý: Trong các hoạt động có thể lấy những bài tập/câu hỏi tương ứng trong phần Luyện tập lên để HS thực hiện sau phần khám phá nội dung.

** Tìm hiểu quyền, nghĩa vụ giữa ông bà và các cháu*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc thông tin, nghiên cứu các trường hợp trong SGK và trả lời câu hỏi.

– HS chia sẻ những suy nghĩ, việc làm của mình đã thực hiện đúng/không đúng quyền, nghĩa vụ giữa cháu với ông bà.

– GV nhận xét và kết luận: Ông bà đã thương yêu, nuôi nấng, chăm sóc, che chở và dạy dỗ Bình khi bố mẹ Bình không còn. H chưa thực hiện tốt nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà.

– Kết thúc hoạt động Khám phá, HS nhắc lại những kiến thức cơ bản vừa khám phá, tổng kết những nội dung chính của bài học thông qua phần chốt nội dung trong SGK.

3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: HS củng cố kiến thức đã học, thực hành xử lí một số tình huống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. *Bày tỏ quan điểm*

– GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, đọc các ý kiến và bày tỏ quan điểm.

– Một vài HS phát biểu ý kiến. GV nhận xét và kết luận:

a) Đúng vì gia đình là cái nôi nuôi dưỡng, tác động rất lớn đến việc hình thành và phát triển nhân cách cho trẻ.

b) Sai vì cha mẹ không được phân biệt đối xử với con (con trai, con gái, con nuôi, con đẻ,...).

c) Sai vì giáo dục trẻ em là trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội.

2. *Nhận xét hành vi*

– GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi để nhận xét hành vi.

– Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.

– GV nhận xét và kết luận.

a) Bố đã tôn trọng và tạo điều kiện để N thực hiện ước muốn và phát triển lành mạnh. Nhưng bố cũng luôn nhắc N không lơ là việc học tập.

b) Việc làm của M thể hiện M thực hiện chưa tốt nghĩa vụ kính trọng cha mẹ.

c) Bố mẹ đã tạo điều kiện để H tham gia các hoạt động tập thể, phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ.

d) Bố đã tạo điều kiện để A thực hiện quyền bày tỏ ý kiến.

3. *Xử lí tình huống*

– GV yêu cầu HS làm việc nhóm, mỗi nhóm sắm vai xử lí một tình huống.

– GV khen ngợi các nhóm xử lí tình huống đúng.

– GV nhận xét và kết luận.

Gợi ý:

a) V có thể nói với bố, tham gia các hoạt động tập thể của nhà trường là việc cần thiết đối với mỗi HS. Đi tham quan là để học tập và mở rộng kiến thức thực tế. Hơn nữa trẻ em có quyền được vui chơi, phát triển.

b) S nên hứa với mẹ em sẽ không để việc học vẽ ảnh hưởng đến kết quả học tập. Em sẽ cố gắng học tốt cả văn hoá và vẽ.

c) Nên nói với D về trách nhiệm của con trong gia đình không phân biệt con trai, con gái, các con đều có quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm đối với các công việc trong gia đình. D là anh nên phải thương yêu em và làm gương cho em học tập.

d) C nên ở nhà giúp bố mẹ chăm sóc bà, hôm khác đi xem phim.

4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng những điều đã học vào thực tiễn cuộc sống.

b) Tổ chức thực hiện:

1. GV hướng dẫn HS viết thư cho người thân bày tỏ mong muốn về việc được thực hiện quyền tham gia của em trong gia đình.

2. GV hướng dẫn HS lập và thực hiện kế hoạch điều chỉnh những việc làm của mình cho đúng với nghĩa vụ của công dân trong gia đình theo gợi ý trong SGK.

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn trong cuốn sách này.

Chịu trách nhiệm xuất bản:
Chủ tịch Hội đồng thành viên – Tổng Giám đốc NGUYỄN TIẾN THANH

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng biên tập PHẠM VĨNH THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN THỊ TRANG – NGUYỄN TẤT THẮNG
Thiết kế sách: PHẠM VIỆT QUANG
Trình bày bìa: NGUYỄN BÍCH LA
Sửa bản in: NGUYỄN DUY LONG – NGUYỄN TẤT THẮNG
Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC HÀ NỘI

Bản quyền thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kì hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

GIÁO DỤC CÔNG DÂN 7 – SÁCH GIÁO VIÊN
Mã số: .....

In ..... cuốn (QĐ .....), khổ 19 x 26,5cm.
Đơn vị in: ..... Địa chỉ: .....
Cơ sở in: ..... Địa chỉ: .....
Số ĐKXB: .....
Số QĐXB: ..... / QĐ-GD ngày ... tháng ... năm ....
In xong và nộp lưu chiểu tháng ..... năm .....
Mã số ISBN: 978-604-0-.....



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH



BỘ SÁCH GIÁO VIÊN LỚP 7 – KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG

1. Ngữ văn 7, tập một – SGV
2. Ngữ văn 7, tập hai – SGV
3. Toán 7 – SGV
4. Khoa học tự nhiên 7 – SGV
5. Công nghệ 7 – SGV
6. Lịch sử và Địa lí 7 – SGV
7. Mĩ thuật 7 – SGV
8. Âm nhạc 7 – SGV
9. Giáo dục công dân 7 – SGV
10. Tin học 7 – SGV
11. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 7 – SGV
12. Giáo dục thể chất 7 – SGV
13. Tiếng Anh 7 – Global Success – SGV

Website: https://www.nxbgd.vn

KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG